

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN TRÀ MY

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
NUÔI CON NUÔI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8 38 01 02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS Tường Duy Kiên

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận bản đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Người cam đoan

Nguyễn Trà My

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI	7
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi và các hình thức nuôi con nuôi về mặt pháp lý	7
1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi	11
1.3. Thủ tục hành chính và các tiêu chí đánh giá thủ tục hành chính	14
1.4. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi.....	18
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI Ở VIỆT NAM.....	22
2.1. Thực trạng thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi trong nước	22
2.2. Thực trạng thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	31
2.3. Thực trạng thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	53
Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI Ở VIỆT NAM.....	60
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi.....	60
3.2. Những yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi.....	61
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam.....	63
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nuôi con nuôi là hiện tượng xã hội xảy ra ở nhiều quốc gia và được pháp luật các nước điều chỉnh [2, tr.3]. Ở nước ta, nuôi con nuôi là vấn đề có tính nhân đạo sâu sắc, thể hiện tình yêu thương, trách nhiệm và mối quan hệ tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người; là biện pháp tích cực để khoảng 1.5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt [24, tr.19] được nuôi dưỡng trong môi trường tình cảm gia đình, đồng thời đáp ứng nhu cầu làm cha mẹ của người nhận con nuôi. Sau khi gia nhập Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi, Việt Nam đã tích cực hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi để phù hợp với Công ước La Hay, hệ thống pháp luật trong nước và điều kiện kinh tế xã hội văn hóa của Việt Nam. Cụ thể, ngày 17 tháng 6 năm 2010, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 (sau đây viết tắt là Luật Nuôi con nuôi), sau đó Chính phủ, Bộ Tư pháp và một số bộ, ngành có liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành (02 nghị định, 02 thông tư liên tịch, 05 thông tư).

Sau 07 năm thực hiện Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành, công tác giải quyết việc nuôi con nuôi đã đạt được kết quả nhất định như nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã có được mái ấm gia đình thay thế ở trong nước và nước ngoài; công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi đã dần đi vào nền nếp, được chú trọng và tăng cường [13, tr.1]... Bên cạnh những kết quả đã đạt được, pháp luật nuôi con nuôi, trong đó có quy định về thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là TTHC) nuôi con nuôi đã bộc lộ những vướng mắc, bất cập. Một số quy định chưa đầy đủ, thiếu rõ ràng đã gây khó khăn trong giải quyết thủ tục như vấn đề về yêu cầu, điều kiện của người nhận con nuôi; việc lấy ý kiến của người liên quan; về chỉ định các cơ sở trợ giúp xã hội tham gia giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài; đăng ký nhu cầu nuôi con nuôi. Một số quy định chưa hợp lý, gây phiền hà, tăng chi phí cho người thực hiện thủ tục như hồ sơ giải quyết thủ tục nuôi con nuôi còn rườm rà, phức tạp, thời gian thực hiện còn dài; cách thức thực hiện thủ tục chưa đa dạng... Từ đó, dẫn đến một

thực tế là còn một số lượng lớn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa được tìm gia đình thay thế, người muốn nhận con nuôi chưa thực hiện được nguyện vọng; việc thực hiện TTHC liên quan đến nuôi con nuôi chưa thuận tiện, chi phí tuân thủ TTHC còn cao.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, có tính chuyên sâu và tương đối toàn diện pháp luật về nuôi con nuôi, trong đó tập trung vào các quy định về TTHC nuôi con nuôi là một yêu cầu khách quan, cần thiết. Việc nghiên cứu đề tài “***Thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam***” nhằm hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và pháp luật quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi nói riêng và đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn ở nước ta hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Việc nuôi con nuôi được nhiều tác giả, nhà khoa học nghiên cứu ở các góc độ khác nhau. Tại Việt Nam, việc nuôi con nuôi được xem xét, nghiên cứu dưới nhiều góc độ. Trước khi Luật Nuôi con nuôi được ban hành, có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu, sách tham khảo làm cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện thể chế về nuôi con nuôi như số chuyên đề “*Chế định nuôi con nuôi trong pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế*” (năm 1998) của Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp; luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ với đề tài “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam*” (năm 2000 và năm 2007) của tác giả Nguyễn Phương Lan; đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ với nhan đề: “*Hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trước yêu cầu gia nhập Công ước La Haya 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*” (năm 2005) do Tiến sĩ Vũ Đức Long làm chủ nhiệm... Các công trình nghiên cứu này đã góp phần tạo nền tảng cơ sở lý luận, khoa học cho sự ra đời Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, sau khi Luật Nuôi con nuôi được thông qua cho đến nay, số lượng công trình nghiên cứu trong lĩnh vực nuôi con nuôi nói chung không nhiều. Có một (01) số chuyên đề “*Pháp luật về nuôi con nuôi*” của *Tạp chí dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp (năm 2011)*. Đây là số chuyên đề gồm 17 bài viết của các nhà khoa học, nhà quản lý nhằm giới thiệu về pháp luật nuôi con nuôi (Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP) – trình bày

các quy định của văn bản QPPL về nuôi con nuôi, ưu điểm của quy định mới so với quy định cũ trước đó và lý giải lý do của việc quy định như vậy mà chưa đề cập đến thực trạng thực hiện cũng như bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện và không đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi. Có một (01) đề tài cấp bộ nghiên cứu về vấn đề nuôi con nuôi “*Dự án điều tra cơ bản – Thực trạng nuôi con nuôi*” (năm 2012) do Tiến sĩ Dương Thị Thanh Mai làm chủ nhiệm. Đề tài nghiên cứu về thực trạng nuôi con nuôi theo nhiều khía cạnh liên quan đến người nhận con nuôi và người được nhận nhận con nuôi dưới góc độ điều tra xã hội học từ thời điểm Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực đến năm 2012 mà chưa đề cập quá nhiều đến vấn đề lý luận về nuôi con nuôi. Có một số luận văn liên quan đến nuôi con nuôi như Luận văn “*Nuôi con nuôi thực tế ở Việt Nam theo pháp luật Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Nhanh, trình bày về pháp luật quy định về nuôi con nuôi thực tế, thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện; Luận văn “*Quan hệ cha mẹ nuôi - con nuôi theo pháp luật Việt nam hiện nay*” của tác giả Kiều Thị Huyền Trang, trình bày quy định của pháp luật về quan hệ cha, mẹ, con nuôi, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ pháp luật này; Luận văn “*Thực tiễn áp dụng pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Nguyễn Thị Hải, trình bày thực tiễn áp dụng về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài với những trường hợp áp dụng pháp luật cụ thể... Các luận văn này chỉ nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nuôi con nuôi như nuôi con nuôi trong nước hoặc nuôi con nuôi thực tế hoặc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam, vấn đề về TTHC còn mờ nhạt.

Như vậy, có thể nói vấn đề TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi chưa được các nhà khoa học nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ tại các công trình nghiên cứu trước và sau khi Luật Nuôi con nuôi được thông qua. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách đầy đủ pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay là cần thiết. Do đó, có thể nói, Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tổng thể, tương đối toàn diện, có tính hệ thống và chuyên sâu về pháp luật quy định TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi trong khoa học pháp lý Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

* Mục đích của Luận văn: Làm sáng tỏ vấn đề lý luận cơ bản về nuôi con nuôi, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, đánh giá thực trạng thực hiện TTHC nuôi con nuôi của Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

* Luận văn giải quyết những nhiệm vụ sau:

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản về nuôi con nuôi, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi với một số khái niệm cơ bản như khái niệm nuôi con nuôi, nuôi con nuôi đầy đủ, nuôi con nuôi thực tế, TTHC nói chung, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi... Đây là những khái niệm làm cơ sở cho việc nghiên cứu về pháp luật quy định TTHC nuôi con nuôi.

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng thực hiện TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam gồm tình hình, kết quả giải quyết TTHC, những khó khăn, bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về TTHC nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật nuôi con nuôi.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận về nuôi con nuôi, các quy định về TTHC nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam và thực tiễn áp dụng các quy định này trên thực tế ở Việt Nam từ khi có Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đến nay.

Phạm vi nghiên cứu là các TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Trên cơ sở đó, đề tài được nghiên cứu bằng các phương pháp cụ thể như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, thống kê, giả thuyết, dự báo kết hợp với phương pháp khác như phương pháp lịch sử, logic, sơ đồ hóa.

Phương pháp lịch sử: Việc nuôi con nuôi chịu sự chi phối của các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử trong từng giai đoạn phát triển của xã hội. Vì vậy,

việc nghiên cứu về nuôi con nuôi và pháp luật nuôi con nuôi phải xuất phát từ các điều kiện xã hội – lịch sử ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi.

Phương pháp phân loại, hệ thống hóa, thống kê: Trên cơ sở quy định của văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là QPPL*) thực hiện việc thống kê, hệ thống hóa, phân loại thành các nhóm TTHC, quy định có liên quan trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Đồng thời, sử dụng các số liệu thống kê về số lượng hồ sơ giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, kết hợp với phương pháp sơ đồ hóa để có thể đánh giá khách quan, chính xác thực trạng giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, giả thuyết, dự báo: Trên cơ sở phân tích các quy định TTHC nuôi con nuôi và thực trạng áp dụng các quy định này trên thực tế, đề xuất phương hướng, giải pháp để hoàn thiện quy định TTHC nuôi con nuôi, nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật nuôi con nuôi.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn hệ thống lại các khái niệm về nuôi con nuôi, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi, các yếu tố ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi, các hình thức nuôi con nuôi về mặt pháp lý.

Luận văn đưa ra khái niệm, đặc trưng nhận biết TTHC, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi; vai trò, nguyên tắc quy định TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Luận văn làm rõ quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam, cụ thể về tên TTHC; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời gian giải quyết; đối tượng thực hiện TTHC; cơ quan giải quyết TTHC; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện; mẫu đơn, tờ khai; phí, lệ phí.

Luận văn làm rõ thực trạng thực hiện các TTHC (gồm tình hình, kết quả, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân), làm cơ sở thực tiễn cho việc kiến nghị hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Luận văn đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của Luận văn là tài liệu có giá trị để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tham khảo khi sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng

dạy chuyên ngành trong các trường Đại học luật. Những vấn đề được trình bày, phân tích trong Luận văn có thể giúp cơ quan, người có thẩm quyền đang giải quyết các TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi rút được kinh nghiệm nhất định trong thực tiễn công tác của mình.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn bao gồm phần mở đầu, nội dung, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Phần nội dung của luận văn được bố cục thành ba chương, gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nuôi con nuôi và các hình thức nuôi con nuôi về mặt pháp lý

1.1.1. Khái niệm nuôi con nuôi

Khái niệm nuôi con nuôi được xem xét dưới góc độ xã hội và pháp lý.

1.1.1.1. Khái niệm nuôi con nuôi dưới góc độ xã hội

Dưới góc độ xã hội, *nuôi con nuôi là một quan hệ xã hội được thiết lập giữa người nhận nuôi con nuôi và người được nhận nuôi con nuôi nhằm hình thành quan hệ cha mẹ và con trong thực tế với những mối liên hệ gia đình mới, để thỏa mãn nhu cầu tình cảm, đạo đức hoặc lợi ích nhất định của các bên* [26, tr.19]. Dưới góc độ này, việc nuôi con nuôi nhằm tạo lập “gia đình mới” với mối quan hệ giữa cha mẹ và con, được xã hội thừa nhận và có giá trị như quan hệ ruột thịt. Là một quan hệ xã hội, nuôi con nuôi nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của con người. Các nhu cầu, lợi ích đó thể hiện rất đa dạng, bao gồm cả nhu cầu, lợi ích vật chất và nhu cầu, lợi ích về tinh thần như nhận nuôi con nuôi để duy trì người nối dõi tông đường, thờ cúng tổ tiên; đảm bảo tín ngưỡng tôn giáo của gia đình; để có thêm lao động cho gia đình, để được cấp thêm đất đai; hoặc việc nuôi con nuôi xuất phát từ sự yêu thương, cảm thông, muốn cứu mang, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Theo đó, dưới góc độ xã hội thì quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có thể được công nhận khi các bên thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hoặc không cần công nhận về mặt pháp lý nhưng vẫn tồn tại dựa trên tình cảm, đạo lý làm người và dư luận xã hội.

1.1.1.2. Khái niệm nuôi con nuôi dưới góc độ pháp lý

Khoản 1 Điều 3 Luật Nuôi con nuôi quy định: “*Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi*”. Dưới góc độ pháp lý, *nuôi con nuôi là một quan hệ pháp luật (gồm chủ thể, khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật)* [31, tr.442].

Chủ thể của quan hệ nuôi con nuôi là cha mẹ nuôi (là người nhận con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký) và con nuôi (là người được nhận làm con nuôi sau khi việc nuôi con nuôi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký). Khi tham gia vào quan hệ pháp luật nào đó thì cá nhân, tổ chức phải đáp ứng yêu cầu về năng lực chủ thể (năng lực pháp luật và năng lực hành vi).

Theo đó, để tham gia vào quan hệ nuôi con nuôi, người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Cụ thể, Điều 8, 14 Luật Nuôi con nuôi quy định: (i) Người nhận con nuôi phải đáp ứng đủ điều kiện sau: có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi 20 tuổi trở lên (*trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi*); có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi (*trừ trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi*); có tư cách đạo đức tốt; (ii) Những người sau đây không được nhận con nuôi: đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; đang chấp hành hình phạt tù; chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. (ii) Người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong trường hợp được cha dưỡng, mẹ kế nhận làm con nuôi hoặc được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng. Chỉ khi hai bên đáp ứng đủ tư cách về mặt chủ thể nêu trên mới đủ điều kiện để tham gia vào quan hệ nuôi con nuôi.

Khách thể của quan hệ nuôi con nuôi là lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần mà các chủ thể hướng tới khi xác lập quan hệ nuôi con nuôi. Lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần rất đa dạng như đã trình bày ở phần trên. Tuy nhiên, dưới góc độ pháp lý thì việc nuôi con nuôi nhằm xác lập mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình (Điều 2 Luật Nuôi con nuôi). Như vậy, mọi hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục không được thực hiện trong môi trường gia đình và không hướng tới mục đích nhằm xác lập mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững thì không thể coi là việc nuôi con nuôi. *Về mặt tâm lý cũng như thể chất, trẻ em chỉ có thể phát triển một cách đầy đủ khi chúng có ý tưởng về sự bền vững trong gia đình cha mẹ nuôi. Còn đối với cha mẹ nuôi, họ chỉ có thể thực hiện vai trò làm cha mẹ một cách tốt nhất khi họ được bảo đảm rằng mối quan hệ giữa mình và con nuôi là mối quan hệ lâu dài, gắn bó suốt cả cuộc đời* [25, tr.28].

Nội dung của quan hệ nuôi con nuôi là những quyền và nghĩa vụ pháp lý tương ứng trên cơ sở phát sinh quan hệ cha mẹ và con hợp pháp giữa người nhận con nuôi và người được nhận con nuôi. Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi có quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con được quy định trong Luật này kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi được xác lập theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Trong trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của Tòa án thì quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật”*. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con đã được quy định rất cụ thể từ Điều 68 đến Điều 87, mục 1, chương V Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, trước khi quan hệ nuôi con nuôi được xác lập, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi phát sinh thì các bên trong quan hệ nuôi con nuôi phải thực hiện thủ tục đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (xác lập trên cơ sở sự kiện pháp lý). Đó chính là các TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, sẽ được trình bày cụ thể tại Chương 2 của Luận văn.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi

Về mặt xã hội, việc nuôi con nuôi có ý nghĩa nhân văn, nhân đạo sâu sắc, thể hiện tình yêu thương, tinh thần, trách nhiệm và mối quan hệ tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người; phù hợp với đạo đức, phong tục, tập quán, truyền thống của dân tộc. Qua việc nuôi con nuôi, đặc biệt là việc nhận trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi, bị tàn tật, không nơi nương tựa làm con nuôi, con người thể hiện sự mong muốn hướng tới những giá trị đạo đức tốt đẹp, đó là chân – thiện – mỹ [26, tr.38], thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp, dân chủ, tiến bộ giữa người với người, góp phần thực hiện công bằng xã hội, rút ngắn khoảng cách của sự phân hóa giàu nghèo trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế mạnh mẽ ở nước ta hiện nay.

Đối với Nhà nước, việc nhận con nuôi làm giảm được gánh nặng về tài chính, kinh tế cho Nhà nước ta trong việc chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Theo thống kê của ngành Lao động, thương binh và xã hội, hiện nay cả nước có khoảng 1.5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trong đó có 22.000 trẻ em đang sống tại cơ sở trợ giúp xã hội của Nhà nước. Trong giai đoạn 5 năm 2011-2015, trên toàn quốc đã giải quyết được 1.837 trường hợp trẻ em ở cơ sở trợ giúp xã hội (chiếm 8.35%) làm con nuôi trong nước và nước ngoài [13, tr.29]. Qua đó, đã tiết kiệm cho ngân sách nhà nước một khoản chi phí nhất định do không phải

đưa các em vào cơ sở bảo trợ xã hội, mà vẫn bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em khi được sống trong gia đình thay thế. Mặt khác, đối với những trẻ em bị bỏ rơi, không nơi nương tựa, phải lang thang tự kiếm sống thì khi được nhận làm con nuôi sẽ làm hạn chế khả năng trẻ có thể có hành vi vi phạm pháp luật, mắc các tệ nạn xã hội, góp phần đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Đối với con nuôi, việc nhận con nuôi xác lập mối quan hệ cha mẹ và con lâu dài, đem lại cho đứa trẻ cuộc sống gia đình bền vững, mà ở nơi đó đứa trẻ được yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng trong vòng tay của cha mẹ và người thân, tạo điều kiện cho trẻ phát triển một cách toàn diện về nhân cách, thể chất và tinh thần, dễ dàng hòa nhập với cuộc sống cộng đồng. Đối với những trẻ em bị khuyết tật, tàn tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì việc được nhận làm con nuôi sẽ giúp trẻ có nhiều cơ hội để chữa bệnh, phục hồi chức năng, kéo dài sự sống.

Đối với người nhận nuôi, việc nuôi con nuôi góp phần đáp ứng nhu cầu chính đáng của người nhận con nuôi, nhất là các cặp vợ chồng vô sinh, hiếm con; phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, sống đơn thân, không có điều kiện sinh nở, giúp họ thực hiện quyền làm cha mẹ của mình một cách thực tế và hợp pháp. Có con sẽ tạo cho họ sự cân bằng trong tâm lý, tình cảm, tạo ra sức mạnh, động lực trong cuộc sống và cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn.

Như vậy, việc nuôi con nuôi đem lại hiệu quả một cách toàn diện nhất cho sự phát triển của con người và sự phát triển bền vững của đất nước [26, tr.40].

1.1.3. Các hình thức nuôi con nuôi về mặt pháp lý

Tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh nhất định mà việc xác lập quan hệ nuôi con nuôi theo những hình thức khác nhau. Tuy nhiên có thể thấy, có hai hình thức xác lập nuôi con nuôi, đó là hình thức nuôi con nuôi về mặt xã hội và hình thức nuôi con nuôi về mặt pháp lý. Trong phạm vi Luận văn, chỉ phân tích các hình thức xác lập nuôi con nuôi về mặt pháp lý theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hình thức nuôi con nuôi về mặt pháp lý được hiểu là quan hệ nuôi con nuôi được pháp luật công nhận và bảo hộ.

Theo quy định của Luật Nuôi con nuôi thừa nhận hai hình thức nuôi con nuôi là nuôi con nuôi đầy đủ và nuôi con nuôi thực tế.

Nuôi con nuôi đầy đủ (con nuôi trọn vẹn) là hình thức nuôi con nuôi dẫn đến cắt đứt hoàn toàn các mối liên hệ pháp lý giữa người được nhận làm con nuôi với gia đình cha mẹ đẻ, đồng thời làm phát sinh đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của cha mẹ và con giữa người nhận nuôi với người được nhận làm con nuôi, người

được nhận làm con nuôi có mọi quyền lợi như con đẻ trong gia đình cha mẹ nuôi [26, tr.68]. Theo Luật Nuôi con nuôi, để xác lập quan hệ nuôi con nuôi thì các bên trong quan hệ này phải thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật. Chỉ sau khi hoàn tất các thủ tục và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi thì khi đó quan hệ nuôi con nuôi mới được xác lập, được nhà nước và pháp luật bảo hộ, quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa cha mẹ nuôi với con nuôi và những người liên quan khác mới phát sinh theo quy định của pháp luật.

Nuôi con nuôi thực tế là những quan hệ nuôi con nuôi đã phát sinh trên thực tế, người nhận và người được nhận làm con nuôi cùng sống trong một gia đình với mục đích thiết lập quan hệ cha mẹ và con, đồng thời thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con đối với nhau. *Việc nuôi con nuôi trên thực tế đã thỏa mãn đầy đủ các điều kiện nuôi con nuôi, không trái với mục đích nuôi con nuôi và đạo đức xã hội. Mối quan hệ cha mẹ và con giữa hai bên đã được họ hàng và mọi người xung quanh được công nhận. Chỉ khác biệt là việc nuôi con nuôi này không được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền* [1, tr.136]. Theo tinh thần của Luật Nuôi con nuôi thì quan hệ nuôi con nuôi thực tế xảy ra trước ngày Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực vẫn được đăng ký theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi thực tế có sự mềm dẻo, linh hoạt và đơn giản hơn so với thủ tục đăng ký nuôi con nuôi đầy đủ. Tuy nhiên, Luật cũng quy định khoảng thời gian thực hiện việc đăng ký là 05 năm, kể từ ngày Luật có hiệu lực (tức từ 01/01/2011 đến ngày 31/12/2015). Tức là sau ngày 31/12/2015, sẽ không thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế nữa, nếu các bên muốn pháp luật công nhận và bảo hộ quan hệ nuôi con nuôi này thì sẽ phải thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước (hình thức nuôi con nuôi đầy đủ) với những điều kiện, trình tự, thủ tục chặt chẽ hơn. Theo đó, sẽ dẫn đến tình trạng cá nhân không thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi hoặc không đủ điều kiện để thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi và khi đó quan hệ nuôi con nuôi sẽ không được pháp luật công nhận và bảo hộ.

Như vậy, tinh thần của Luật Nuôi con nuôi sẽ đi tới một hình thức nuôi con nuôi pháp lý duy nhất là hình thức nuôi con nuôi đầy đủ (trọn vẹn), nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi.

1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi

Việc nuôi con nuôi chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan.

1.2.1. Các yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi bao gồm yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội.

Yếu tố tự nhiên: Đó là sự tác động của các hiện tượng tự nhiên đến đời sống của con người, đặc biệt là hậu quả nặng nề của thiên tai gây ra cho con người, nhất là trẻ em. Những hậu quả do tự nhiên gây ra như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, động đất, sóng thần... làm cho trẻ lâm vào tình trạng mồ côi cha mẹ, không còn người thân, không nơi nương tựa, không còn nhà cửa, bị tàn tật, bệnh tật, không có cái ăn, cái mặc... Việc nhận trẻ em là nạn nhân của thảm họa thiên tai làm con nuôi là một phương thức tốt nhất cho trẻ em.

Yếu tố xã hội: Bao gồm những yếu tố sau:

Điều kiện chính trị kinh tế xã hội:

Nhiều trường hợp cha mẹ đẻ cho con làm con nuôi vì lý do kinh tế. Khi gia đình quá nghèo, không có khả năng nuôi dưỡng con, cha mẹ mong muốn tìm cho con một gia đình mới hy vọng con có điều kiện sống tốt hơn. Nếu xét ở phạm vi rộng hơn (giữa các quốc gia) thì những nước nghèo là nước cho con nuôi, những nước giàu là những nước nhận con nuôi; người nước ngoài với điều kiện kinh tế cao có nhiều khả năng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi hơn chính công dân Việt Nam ở trong nước.

Chiến tranh, xung đột vũ trang, sự bất ổn về chính trị xã hội cũng là yếu tố tác động đến việc nhận con nuôi. Việt Nam là một nước chịu hậu quả nặng nề của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, nhiều trẻ em bị mất cha mẹ, người thân, thất lạc gia đình, không nơi nương tựa, nhiều trẻ em ảnh hưởng di chứng của chiến tranh như bị nhiễm chất độc hóa học, bị tàn tật nặng. Do vậy, việc tìm cho các em một gia đình thay thế để các em có cơ hội được chữa bệnh, phục hồi chức năng, kéo dài thời gian sống là rất cần thiết.

Truyền thống văn hóa, đạo đức, lối sống: Việc nuôi con nuôi chịu ảnh hưởng của truyền thống văn hóa, đạo đức, lối sống. Với truyền thống văn hóa “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”, tinh thần nhân đạo, trọng tình nghĩa, lòng nhân ái, yêu thương giữa con người với con người mà nhiều người đã dang rộng vòng tay của mình để cứu mang, nuôi dưỡng, chăm sóc những đứa trẻ không phải là “ruột thịt” của mình. Điều này là rất đáng trân trọng trong bối cảnh ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường làm cho những giá trị văn hóa của dân tộc bị đe dọa, đạo đức, lối sống của con người bị suy đồi, đây cũng là một trong nguyên

nhân chủ yếu của nhiều trẻ em bị bỏ rơi ngay sau khi sinh ra ở cơ sở y tế, trên đường phố, các trung tâm nuôi dưỡng trẻ... Những đứa trẻ này là đối tượng chủ yếu được cho làm con nuôi.

Chính sách pháp luật: Chính sách pháp luật của nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến việc nuôi con nuôi. Chính sách pháp luật của nhà nước có thể làm hạn chế, kìm hãm hoặc thúc đẩy, khuyến khích việc cho, nhận con nuôi. Tại Việt Nam, với việc thông qua Luật Nuôi con nuôi đã thực sự tạo ra khuôn khổ pháp lý thống nhất, ổn định, có giá trị áp dụng lâu dài để thu hút sự quan tâm, ủng hộ và giúp đỡ của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp, cơ quan, tổ chức và xã hội trong việc bảo đảm quyền của trẻ em, trước hết là quyền được sống trong môi trường gia đình [2, tr.4]. Trong các quy định cụ thể của Luật Nuôi con nuôi cũng cho thấy chính sách của nhà nước trong việc nuôi con nuôi như việc cho nhận con nuôi không phải bằng mọi giá mà việc cho nhận con nuôi phải đảm bảo tôn trọng quyền của trẻ em, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận làm con nuôi; khuyến khích cho trẻ em làm con nuôi trong nước hơn là cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài như quy định: “Chỉ cho làm con nuôi người nước ngoài khi không thể tìm gia đình thay thế ở trong nước” (khoản 3 Điều 4 Luật Nuôi con nuôi)...

1.2.2. Các yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi là các yếu tố thuộc về ý chí, tình cảm, lòng trắc ẩn, quan niệm đạo đức, hoàn cảnh gia đình ... của bản thân những người có liên quan đến việc cho và nhận con nuôi.

Đối với cha mẹ đẻ: Việc cha mẹ đẻ cho con làm con nuôi thường vì hai lý do cơ bản sau: *Thứ nhất*, vì cha mẹ đẻ không có điều kiện để nuôi dưỡng con do ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo, kinh tế quá khó khăn hoặc sinh con ngoài giá thú... Việc cho con làm con nuôi nhằm mong muốn con được sống, chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt hơn. *Thứ hai*, vì lỗi của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cha mẹ có hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, thân thể, sức khỏe, tính mạng của con; đối xử tệ bạc, tàn nhẫn, bỏ mặc con... Từ đó dẫn đến họ bị tước bỏ vĩnh viễn quyền làm cha mẹ đối với con, trong trường hợp này việc cho đứa trẻ làm con nuôi là cần thiết để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của đứa trẻ.

Đối với người nhận con nuôi: Việc nhận con nuôi nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích nhất định của người nhận con nuôi như đã phân tích ở phần trên, trong đó yếu tố quyết định trực tiếp đến việc nhận nuôi con nuôi là mong muốn thiết lập mối quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, đảm bảo con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình. Người nhận con nuôi chủ động, tự nguyện thực hiện các thủ tục để được nhận con nuôi và ý thức rõ ràng về hậu quả pháp lý của việc nhận con nuôi cũng như quyền, nghĩa vụ của mình đối với con nuôi.

Đối với người được nhận làm con nuôi: Người được nhận làm con nuôi nằm trong thế bị động trong việc cho – nhận con nuôi. Mặc dù pháp luật có quy định cho người nhận con nuôi được hỏi ý kiến khi trẻ đạt đến một độ tuổi nhất định. Theo khoản 1 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi quy định: “...trường hợp trẻ em đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì phải được sự đồng ý của trẻ em đó”. Theo đó, những đứa trẻ này có quyền thể hiện tình cảm, nguyện vọng của mình khi được hỏi về việc nhận làm con nuôi. Tuy nhiên, trên thực tế, việc cho nhận con nuôi vẫn chủ yếu xuất phát từ sự chủ động quyết định của người lớn.

Như vậy, việc nuôi con nuôi chịu ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan, trong đó yếu tố khách quan là tiền đề quan trọng, yếu tố chủ quan là yếu tố trực tiếp quyết định đến việc cho nhận con nuôi. Hai yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, thiếu một trong hai yếu tố sẽ không thể hình thành mối quan hệ nuôi con nuôi. Trong yếu tố khách quan thì yếu tố chính sách pháp luật (trong đó có các quy định TTHC giải quyết việc nuôi con nuôi) có ảnh hưởng và chi phối đến tính hiệu lực của quan hệ nuôi con nuôi. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc nuôi con nuôi là cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật (trong đó có vấn đề về TTHC) điều chỉnh quan hệ nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay.

1.3. Thủ tục hành chính và các tiêu chí đánh giá thủ tục hành chính

1.3.1. Khái niệm thủ tục hành chính

Hiện nay có nhiều quan điểm về thế nào là TTHC.

Quan điểm thứ nhất được đưa ra như sau: TTHC là trình tự giải quyết bất kỳ một nhiệm vụ cá biệt, cụ thể nào trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước.

Quan điểm thứ hai lại cho rằng TTHC là trình tự, cách thức để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ và để cá nhân và tổ chức thực hiện khi giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước.

Quan điểm thứ ba, TTHC là một loạt các quy định về trình tự thời gian, về không gian, về cách thức giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước trong mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức và cá nhân công dân [33, tr.1].

Hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung), TTHC được quy định theo hướng giải thích từ ngữ: *“TTHC là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức”*. Trong phạm vi của Luận văn thì TTHC sẽ được hiểu trên cơ sở quy định nêu trên.

Theo quy định nêu trên thì TTHC có một số đặc trưng nhận biết như sau:

Về thẩm quyền ban hành: TTHC phải được quy định trong văn bản QPPL theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL. TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP là “cầu nối” để cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định và cũng chính là để bảo đảm thực hiện các quy phạm nội dung. Vì vậy, TTHC được xác định là quy phạm thủ tục hay còn gọi là quy phạm hình thức.

Về các bộ phận cấu thành của TTHC: Các bộ phận tạo thành TTHC là một trong các dấu hiệu quan trọng để nhận biết TTHC. Theo quy định của Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), việc quy định một TTHC chỉ hoàn thành khi đáp ứng đầy đủ các bộ phận tạo thành cơ bản sau: tên TTHC; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời gian giải quyết; đối tượng thực hiện TTHC; cơ quan giải quyết TTHC; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện (nếu có); mẫu đơn, tờ khai (nếu có); phí, lệ phí (nếu có).

Về chủ thể trong quan hệ giải quyết TTHC, gồm bên chủ thể giải quyết TTHC và bên đối tượng tham gia TTHC, cụ thể:

- Chủ thể giải quyết TTHC là cơ quan, người có thẩm quyền được xác định trong các văn bản QPPL có quy định về TTHC. Đây là các chủ thể bắt buộc trong quan hệ TTHC. Chủ thể giải quyết TTHC gồm: (i) Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Đây là chủ thể chủ yếu có thẩm quyền trực tiếp giải quyết TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Các chủ thể này chiếm số lượng lớn và mang tính phổ biến trong các quan hệ TTHC. Ví dụ: hầu hết các thủ tục phê duyệt, đăng ký, xác nhận đều thuộc thẩm quyền giải quyết trực tiếp của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước. (ii) Các tổ chức, người có thẩm quyền được pháp luật cho phép hoặc được Nhà nước trao quyền nhằm cung

cấp một hoặc một số dịch vụ hành chính công. Ví dụ: thủ tục công chứng (do các Văn phòng công chứng, công chứng viên thực hiện); thủ tục cấp chứng chỉ công bố hợp quy, hợp chuẩn (do doanh nghiệp hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp công lập thực hiện); thủ tục tuyển sinh đại học, cao đẳng (do các trường thực hiện)...

- Chủ thể tham gia TTHC, bao gồm các cá nhân, tổ chức:

Cá nhân: có thể là công dân Việt Nam; người nước ngoài...

Tổ chức: Cơ quan nhà nước; các tổ chức không phải là cơ quan nhà nước được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; các tổ chức nước ngoài được thành lập hợp pháp tại nước ngoài...

Cơ quan nhà nước là chủ thể tham gia TTHC trong trường hợp phải quyết các công việc liên quan đến quyền chủ thể, nghĩa vụ pháp lý như các tổ chức pháp nhân khác, ví dụ: thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe ô tô...

1.3.2. Các tiêu chí đánh giá thủ tục hành chính

Ngoài những đặc trưng nêu trên thì nội dung của TTHC phải đảm bảo các tiêu chí như sau:

- Sự cần thiết của TTHC: TTHC được đặt ra nhằm để thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực cụ thể (lĩnh vực nuôi con nuôi) và đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ và lợi ích cụ thể được pháp luật quy định. *Việc xác định chính xác mục đích, lý do của quy định TTHC là một trong các điều kiện quan trọng để quyết định có cần thiết đặt ra TTHC hay không* [6, tr.192] hay chỉ cần sử dụng các biện pháp khác mà không cần phải quy định bằng TTHC như thỏa thuận, cam kết dân sự, kiểm tra của cơ quan nhà nước, thông báo....

- Tính hợp lý của TTHC: Đảm bảo các bộ phận tạo thành TTHC gồm tên TTHC; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời gian giải quyết; đối tượng thực hiện TTHC; cơ quan giải quyết TTHC; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện (nếu có); mẫu đơn, tờ khai (nếu có); phí, lệ phí (nếu có) được quy định đầy đủ, rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tính hợp pháp của TTHC: Cần đảm bảo TTHC phải được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này. Cụ thể, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi phải được quy định tại Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đặc biệt cần lưu ý đến Điều 14 của Luật Ban hành văn bản

QPPL năm 2015 về *cấm quy định TTHC dưới hình thức thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của UBND cấp tỉnh, văn bản QPPL của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, quyết định của UBND cấp huyện, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của UBND cấp xã, trừ trường hợp được giao trong luật.*

Tính hợp pháp còn thể hiện TTHC được quy định đúng nguyên tắc, yêu cầu của việc quy định TTHC tại các điều 7, 8 của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; nội dung của các quy định về TTHC có sự thống nhất nội tại, không trái với Hiến pháp và các văn bản pháp lý có hiệu lực cao hơn và Công ước La hay năm 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.

- Chi phí tuân thủ TTHC là thấp nhất: *Chi phí tuân thủ TTHC là chi phí mà đối tượng thực hiện TTHC phải bỏ ra để tuân thủ các quy định TTHC dự kiến sẽ ban hành hoặc đang được thực thi* [6, tr.213]. Chi phí tuân thủ một TTHC bằng chi phí thực hiện các công việc cần thiết theo quy định để có kết quả của TTHC cộng với phí, lệ phí và các chi phí khác theo quy định (nếu có). Theo đó, khi kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định TTHC phải đảm bảo tính hiệu quả của quy định TTHC theo hướng tạo thuận lợi, giảm gánh nặng chi phí tối đa cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. TTHC có chi phí phù hợp khi tổng chi phí của TTHC đó trong một năm là thấp nhất. *Tổng chi phí tuân thủ của một TTHC trong một năm là thấp nhất khi chi phí tuân thủ TTHC đó thấp nhất; số lần thực hiện TTHC đó trong một năm theo quy định thấp nhất; số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất* [32, tr.32].

Chỉ khi đáp ứng đầy đủ 04 (bốn) tiêu chí nêu trên, TTHC mới phát huy vai trò của nó trong hoạt động quản lý nhà nước cũng như bảo đảm thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức.

1.4. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

1.4.1. Khái niệm thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Trên cơ sở khái niệm chung về TTHC, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do pháp luật quy định để

giải quyết việc nuôi con nuôi của cá nhân hoặc vấn đề liên quan đến nuôi con nuôi của tổ chức.

TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi có một số đặc trưng như sau:

- TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi được quy định tại Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi có đầy đủ các bộ phận cấu thành theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), gồm: tên TTHC; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời gian giải quyết; đối tượng thực hiện TTHC; cơ quan giải quyết TTHC; kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện; mẫu đơn, tờ khai; phí, lệ phí.

- Chủ thể giải quyết TTHC: Luật Nuôi con nuôi quy định (04) bốn cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, bao gồm Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi); Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; Ủy ban nhân tỉnh (*sau đây viết tắt là UBND*) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Sở Tư pháp) và UBND xã, phường, thị trấn. Mỗi cơ quan được phân cấp giải quyết TTHC phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, còn có các cơ quan phối hợp giải quyết việc nuôi con nuôi như Bộ Công an, Cơ quan công an cấp tỉnh, Cơ quan công an cấp xã; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Đối tượng tham gia TTHC: bao gồm cá nhân, tổ chức. Cá nhân là người nhận con nuôi, người được nhận con nuôi (công dân Việt Nam và người nước ngoài) và người có liên quan (cha đẻ, mẹ đẻ, ông, bà...của người được nhận con nuôi). Tổ chức là Cơ sở nuôi dưỡng, Tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

1.4.2. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi gồm 15 TTHC theo 03 nhóm TTHC cụ thể như sau:

- Nhóm TTHC liên quan đến nuôi con nuôi trong nước: Là nhóm TTHC mà bên nhận con nuôi và bên được nhận làm con nuôi đều là công dân Việt Nam. Nhóm TTHC này gồm các thủ tục sau: Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước, thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước, thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi thực tế, thủ tục Đăng ký nhu cầu nuôi con nuôi.

- Nhóm TTHC liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: Là nhóm TTHC mà một trong hai bên nhận và được nhận làm con nuôi là người nước ngoài. Nhóm TTHC này gồm các thủ tục sau: Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có

yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em; thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi; thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi; thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi; thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi; thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

- Nhóm TTHC liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam: Là nhóm TTHC liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài. Nhóm TTHC này gồm các TTHC sau: Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Các TTHC này được quy định tại Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Thông tư số 12/2011/TT-BTP; Thông tư số 21/2011/TT-BTP; Thông tư số 15/2014/TT-BTP; Thông tư số 24/2014/TT-BTP và được trình bày cụ thể tại Chương 2 của Luận văn.

1.4.3. Vai trò của thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Dưới góc độ quản lý nhà nước, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi là công cụ, phương tiện quan trọng để các cơ quan hành chính thực hiện việc quản lý đối với lĩnh vực này. Với vai trò là những quy phạm thủ tục, TTHC đã bảo đảm cho việc thực hiện các quy định nội dung về quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi – là một trong các quyền của con người, quyền công dân được ghi nhận và bảo hộ bởi Hiến pháp năm 2013 (Điều 36), Bộ Luật Dân sự năm 2015 (Điều 39), Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 78) và Luật Nuôi con nuôi (Điều 6) và đảm bảo cho các quy phạm nội dung này đi vào cuộc sống.

Dưới góc độ xã hội, TTHC này được xác định là cầu nối để chuyển tải các quy định cụ thể về chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến nuôi con nuôi vào cuộc sống; đảm bảo cho cá nhân, tổ chức tiếp cận và thực hiện chính sách, trong đó

cơ bản và chủ yếu là thực hiện quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi được pháp luật công nhận và bảo hộ. Chính vì vậy, quy định về TTHC cần phải đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, đơn giản nhằm giải quyết, củng cố quan hệ giữa Nhà nước và công dân.

Như vậy, TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi đã và đang có vai trò nhất định trong quá trình quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực này. Nếu không có TTHC với những quy định cụ thể về các bước thực hiện, thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện...thì cá nhân, tổ chức không thể thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp được pháp luật ghi nhận và ngược lại Nhà nước không thể thực hiện việc quản lý nhà nước theo lĩnh vực, chính sách của Nhà nước không thể thực thi. *Chính vì vậy, quy định về TTHC cũng như quá trình thực hiện thể hiện rõ nét về sự văn minh, tiến bộ của bộ máy chính quyền, tính chất dân chủ của một xã hội* [6, tr.15].

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi, nhằm hình thành quan hệ cha mẹ và con trong thực tế với những mối liên hệ gia đình mới, để thỏa mãn nhu cầu tình cảm, đạo đức hoặc lợi ích nhất định của các bên. Việc nuôi con nuôi có ý nghĩa nhân văn, nhân đạo sâu sắc, thể hiện tình yêu thương, tinh thần, trách nhiệm và mối quan hệ tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau giữa con người với con người.

Nuôi con nuôi là một hiện tượng xã hội, chịu sự chi phối, tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó yếu tố chính sách pháp luật có ý nghĩa quan trọng. Để chính sách pháp luật đi vào cuộc sống; phát huy vai trò quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này cũng như bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thì cần thiết phải có những quy phạm về thủ tục, đó chính là TTHC. Để TTHC phát huy vai trò trong hoạt động quản lý nhà nước cũng như đảm bảo thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thì TTHC phải đảm bảo các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ TTHC là thấp nhất.

TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do pháp luật quy định để giải quyết việc nuôi con nuôi của cá nhân hoặc vấn đề liên quan đến nuôi con nuôi của tổ chức; gồm 15 TTHC được quy định tại Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành, do các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền được pháp luật quy định thực hiện.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi trong nước

2.1.1. Quy định về thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi trong nước

2.1.1.1. Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước được quy định tại Điều 8, 9, 14, 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 4, 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện thủ tục: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp của mình và của người được nhận làm con nuôi tại UBND cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú (đối với các trường hợp thông thường) hoặc tại UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú (nếu là cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận giữa người nhận con nuôi với cha mẹ đẻ, người giám hộ của người được nhận làm con nuôi). Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan. UBND cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch. Trường hợp từ chối đăng ký, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

- Thành phần hồ sơ gồm hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

Hồ sơ của người nhận con nuôi: Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CN.02); bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Giấy khai sinh; Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp

không quá 06 tháng; Biên bản xác nhận do UBND hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, trong đó thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; thời gian ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan (theo quy định của Điều 21 Luật nuôi con nuôi).

- Để thực hiện TTHC, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Đối với người nhận con nuôi: Phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên (không áp dụng đối với trường hợp cha đẻ nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi); có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi (không áp dụng đối với trường hợp cha đẻ nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi); có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha đẻ,

mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

- Lệ phí đăng ký con nuôi trong nước là 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.

2.1.1.2. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước

Thủ tục Đăng ký lại nuôi con nuôi trong nước được quy định tại Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, Điều 1 Thông tư số 12/2011/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện thủ tục: Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây. Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lại 01 bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Mục ghi chú của bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi và Sổ đăng ký nuôi con nuôi ghi rõ là đăng ký lại.

- Thành phần hồ sơ: Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (mẫu TP/CN-2011/CN.04). Trường hợp, yêu cầu đăng ký lại tại UBND cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được; cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

- Lệ phí: Người yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi không phải nộp lệ phí.

2.1.1.3. Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi thực tế

Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi thực tế được thực hiện từ ngày Luật Nuôi con nuôi năm 2010 có hiệu lực (ngày 01/01/2011) đến ngày 31/12/2015. Hiện nay, thủ tục này không còn thực hiện trên thực tế. Tuy nhiên, để có cái nhìn tổng thể, nắm bắt thực trạng thực hiện thủ tục, Luận văn vẫn trình bày quy định về TTHC này.

Thủ tục Đăng ký nuôi con nuôi thực tế được quy định tại Điều 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 23, 24, 25 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP , cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện thủ tục: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi thực tế trực tiếp tại UBND cấp xã, nơi người đó thường trú. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã cử công chức tư pháp – hộ tịch phối hợp Công an xã tiến hành kiểm tra và xác minh; nếu cả người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi đều còn sống, quan hệ cha mẹ và con giữa các bên vẫn đang tồn tại, các bên có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhau trên thực tế như cha mẹ và con, thì UBND cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi. Khi đăng ký việc nuôi con nuôi, cả người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi đều phải có mặt. Công chức tư pháp – hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các bên.

- Thành phần hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế (mẫu TP/CN-2014/CN.03) (trong Tờ khai cần ghi rõ ngày, tháng, năm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi trên thực tế, có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng); bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của người nhận con nuôi; bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của người nhận con nuôi (nếu có); giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh về việc nuôi con nuôi (nếu có).

- Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục: Các bên có đủ điều kiện về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi; đến thời điểm Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực (ngày 01/01/2011), quan hệ cha, mẹ và con vẫn đang tồn tại và cả hai bên còn sống; giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhau như cha mẹ và con

- Lệ phí: Người yêu cầu đăng ký nuôi con nuôi thực tế không phải nộp lệ phí.

2.1.1.4. Thủ tục Đăng ký nhu cầu nuôi con nuôi

Thủ tục Đăng ký nhu cầu nuôi con nuôi được quy định tại Điều 16 Luật Nuôi con nuôi, cụ thể như sau:

Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Công dân Việt Nam có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định của Luật này nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi thì đăng ký nhu cầu nhận con nuôi với Sở Tư pháp nơi

người đó thường trú; nếu có trẻ em để giới thiệu làm con nuôi thì Sở Tư pháp giới thiệu đến UBND cấp xã nơi trẻ em đó thường trú để xem xét, giải quyết.

Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định rõ về các bộ phận cấu thành khác như thành phần, số lượng hồ sơ, thời gian thực hiện, yêu cầu, điều kiện, kết quả giải quyết thủ tục. Điều này gây khó khăn cho người thực hiện và người giải quyết TTHC.

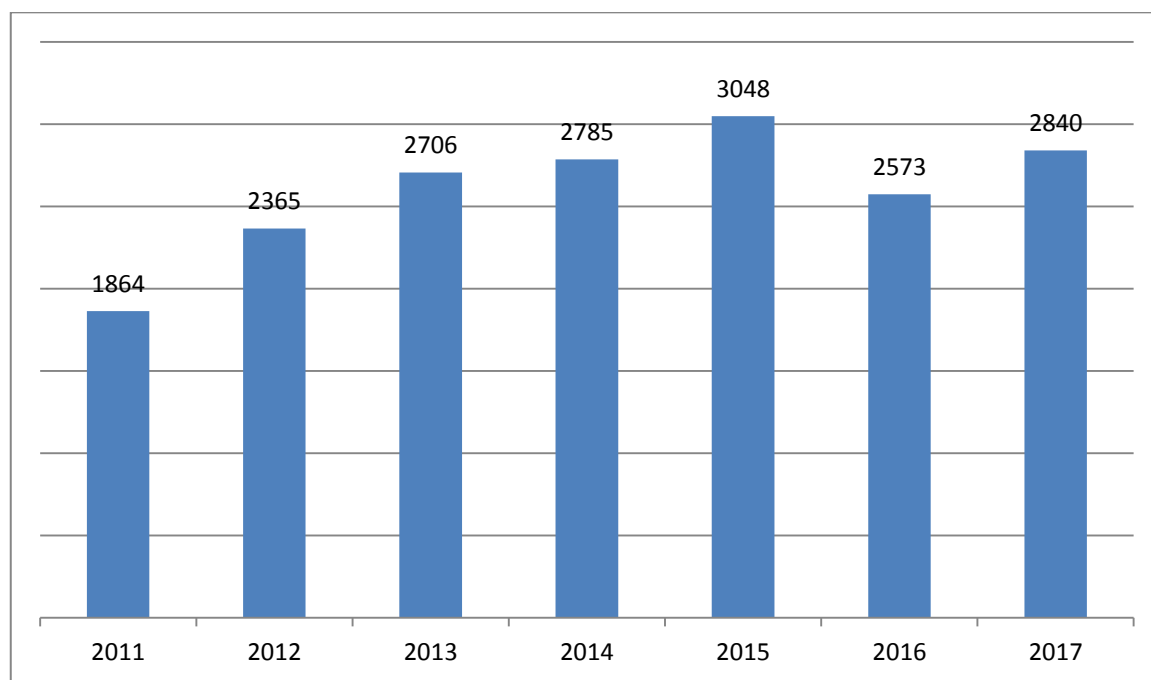
2.1.2. Kết quả, tồn tại, hạn chế về giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi trong nước

2.1.2.1. Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

a) Một số kết quả đạt được [13, tr.13-tr.22]

Nuôi con nuôi trong nước giai đoạn 2011-2017 đã đạt được những kết quả tích cực như sau:

Về số lượng, trên toàn quốc có 18.181 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước, cụ thể như sau:



*Biểu đồ 2.1: Kết quả giải quyết con nuôi trong nước giai đoạn 2011 – 2017
[13, tr.14], [15, tr. 14], [16, tr. 14]*

Căn cứ số liệu nêu trên cho thấy các trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước giữ mức ổn định.

Lý do nhận con nuôi chủ yếu là do không có con cái (chiếm 65%), muốn giúp đỡ người thân trong gia đình gặp phải khó khăn (chiếm 15.4%) và muốn chăm sóc trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi (chiếm 19.6%). Phần lớn, người nhận con nuôi

trong nước nhận trẻ em có tình trạng sức khỏe bình thường, sức khỏe tốt làm con nuôi, còn có sự lựa chọn giới tính của trẻ. Người nhận con nuôi chủ yếu có mối quan hệ quen biết hoặc quan hệ họ hàng với trẻ em được nhận làm con nuôi.

Công tác đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về nuôi con nuôi, trên tinh thần nhân đạo và tự nguyện xác lập quan hệ cha mẹ con nuôi lâu dài, bền vững, bảo đảm cho trẻ em được nhận làm con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trong môi trường gia đình yêu thương và ổn định. Qua công tác kiểm tra, khảo sát tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước thì về cơ bản, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi đầy đủ các giấy tờ theo quy định của pháp luật. UBND cấp xã đã tuân thủ công tác kiểm tra và xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ trước khi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước. Đặc biệt, tại một số địa phương, công tác kiểm tra, xác minh hồ sơ đối với trẻ em bị bỏ rơi được tiến hành thận trọng, có sự phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền khác. Việc đăng ký nuôi con nuôi đã đi vào nề nếp, hầu như không để xảy ra trường hợp khiếu nại, tố cáo nào.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác giải quyết nuôi con nuôi trong nước có một số tồn tại, hạn chế như sau [13, tr.21]:

- Một số trường hợp đăng ký nuôi con nuôi sai thẩm quyền như tại một số địa bàn UBND cấp xã đã đăng ký việc nuôi con nuôi cho các trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước.

- Vẫn còn hiện tượng hủy và thu hồi giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi trong nước do vi phạm mục đích việc nuôi con nuôi, người nhận con nuôi hoặc trẻ em được nhận làm con nuôi không đủ điều kiện, hồ sơ thiếu giấy tờ theo quy định tại Điều 18 Luật Nuôi con nuôi, hoặc chưa tuân thủ đúng trình tự thủ tục. Trên toàn quốc trong 05 năm 106 giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi trong nước đã bị thu hồi và hủy bỏ tại một số địa phương như: tỉnh Cao Bằng, Đắk Lắk, Hà Giang, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Kon Tum, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Phúc.

- Vẫn còn hiện tượng chấm dứt việc nuôi con nuôi khi không có căn cứ chấm dứt theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Trên toàn quốc trong 05 năm có 18

trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi trước tòa án. Một số trường hợp khi mẹ đẻ nhận lại con đã cho làm con nuôi thì tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi.

- Còn có một số ít sai phạm trong việc xác lập hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi. Vẫn còn hiện tượng phân biệt giữa con đẻ với con nuôi; người dân chưa hiểu rõ hệ quả của việc nuôi con nuôi nên vẫn còn hiện tượng trả lại trẻ đã được nhận làm con nuôi.

c) Nguyên nhân

Thứ nhất, nhận thức về các quy định pháp luật về nuôi con nuôi còn hạn chế và việc giải quyết nuôi con nuôi còn chịu ảnh hưởng từ nếp cũ và thói quen [13, tr. 26]

Nhận thức chung của xã hội và người dân về việc nuôi con nuôi còn hạn chế. Việc nhận con nuôi đơn thuần là chăm sóc và nuôi dưỡng hoặc vì mục đích để có con, cháu để nối dõi trong gia đình, hoặc đơn thuần để hỗ trợ thêm việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trong gia đình họ hàng. Người nhận con nuôi và cha mẹ đẻ của trẻ chưa ý thức được đầy đủ hệ quả của việc nuôi con nuôi, đặc biệt là trong các trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi có quan hệ họ hàng. Điều này dẫn đến hiện tượng người nhận con nuôi đem trả lại trẻ em được nhận làm con nuôi, tự ý chấm dứt việc nuôi con nuôi hoặc chấm dứt việc nuôi con nuôi không thuộc các trường hợp căn cứ theo quy định của pháp luật.

Do trình độ dân trí còn thấp nên người nhận con nuôi chỉ nhận nuôi con nuôi trên danh nghĩa, hoặc nhận con nuôi mà không tiến hành đăng ký nuôi con nuôi, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của trẻ em.

Việc nhận con nuôi còn bị ảnh hưởng nhiều theo nếp cũ. Nhiều trường hợp người dân tự ý đưa trẻ em về nuôi dưỡng mà không tiến hành thủ tục đăng ký khai sinh và đăng ký nuôi con nuôi (TP Hồ Chí Minh, Thái Bình) hoặc đưa ngay tên người nhận con nuôi vào giấy chứng sinh để đăng ký khai sinh là cha mẹ đẻ của trẻ (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu); còn nhiều trường hợp cho nhận con nuôi trực tiếp tại bệnh viện sau đó mẹ đẻ của trẻ em bỏ đi (tỉnh An Giang, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu); còn có trường hợp mẹ đẻ tự ý viết giấy đồng ý/thỏa thuận cho con đẻ làm con nuôi; nhiều trường hợp mẹ đẻ không muốn tiết lộ chính xác thông tin về bản thân nên cũng rất khó khăn trong việc xác minh nguồn gốc trẻ (tỉnh Bắc Cạn, tỉnh Bắc Giang); người dân nhặt được trẻ em bị bỏ rơi và chăm sóc nuôi dưỡng trẻ như con nuôi mà không báo cho chính quyền địa phương dẫn đến việc hồ sơ đăng ký nuôi

con nuôi thiếu giấy tờ như biên bản trẻ em bị bỏ rơi (TP Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam). Người dân chưa nhận thức được hành vi tự ý nhận trẻ em về chăm sóc nuôi dưỡng có hệ lụy như thế nào đối với trẻ em sau này: trẻ em không có đủ giấy tờ để đăng ký khai sinh, điều này làm ảnh hưởng tới quyền lợi học hành, quyền lợi chăm sóc sức khỏe y tế của trẻ; trẻ em không được đăng ký nuôi con nuôi dẫn đến việc đăng ký hộ khẩu của trẻ em cũng sẽ gặp khó khăn... hoặc trong trường hợp khi con nuôi trưởng thành, nếu không được đăng ký nuôi con nuôi, mọi tranh chấp về tài sản có liên quan đến con nuôi và cha mẹ nuôi không được bảo vệ...

Về phía các cơ quan có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước, do đã quen nếp cũ và chưa nhận thức đầy đủ về quy định pháp luật về nuôi con nuôi nên có địa phương bỏ qua thủ tục lấy ý kiến của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em vì trong hồ sơ đã có giấy đồng ý (giấy thỏa thuận) cho con; có trường hợp đăng ký nuôi con nuôi nhằm mục đích đăng ký khai sinh cho trẻ em (đặc biệt là trẻ em bị bỏ rơi). Đặc biệt, qua khảo sát và theo dõi tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước trong thời gian qua cho thấy, cán bộ tư pháp – hộ tịch còn có sự nhầm lẫn giữa thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em và đăng ký nuôi con nuôi. Cụ thể như có trường hợp đăng ký nuôi con nuôi sau khi đăng ký khai sinh nhưng phần khai về cha mẹ trong giấy khai sinh của trẻ em bị bỏ rơi đã điền họ và tên của cha mẹ nuôi; có trường hợp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi không có giấy khai sinh vì vậy cơ quan có thẩm quyền cấp xã đã đăng ký việc nuôi con nuôi để đăng ký khai sinh cho trẻ em.

Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương chưa quan tâm, theo dõi và giám sát tốt những trường hợp trẻ em được người dân tự mang về chăm sóc, nuôi dưỡng như con đẻ; cá biệt có nơi còn giao trực tiếp trẻ em cho gia đình người nước ngoài sinh sống ở Việt Nam mà không tiến hành thủ tục đăng ký nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. Điều này dẫn đến quyền và lợi ích của trẻ em trong những trường hợp đó không được đảm bảo, vì quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng đó chưa được Nhà nước công nhận và cho phép.

Thứ hai, một số quy định của Luật Nuôi con nuôi còn khó thực hiện vì không có hướng dẫn cụ thể hoặc chưa đồng bộ với các quy định khác có liên quan [13, tr.28]

Về xác định điều kiện nuôi con nuôi: Một số quy định của Luật Nuôi con nuôi còn chưa có hướng dẫn cụ thể nên việc thực thi còn nhiều khó khăn, cụ thể là:

- Xác định thế nào là đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở của người nhận con nuôi theo khoản c Điều 14 Luật Nuôi con nuôi. Khó khăn này dẫn đến trên thực tế có trường hợp UBND cấp xã cho phép một người cùng một lúc nhận hai hoặc ba trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi; hoặc khó từ chối giải quyết cho một người đồng thời nhận nhiều trẻ em làm con nuôi, kể cả trong trường hợp có quan hệ họ hàng hoặc gặp khó khăn khi phải lựa chọn nhiều gia đình cùng có nguyện vọng nhận một trẻ em làm con nuôi.

- Xác nhận như thế nào là *không đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng* theo điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi để quyết định việc cho trẻ em làm con nuôi có cần thiết hay không.

Vấn đề xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được xử lý như thế nào khi địa chỉ để lại không rõ ràng, không có thật hoặc ở một địa phương thuộc huyện khác, tỉnh khác.

Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi phức tạp hơn, một số quy định chưa rõ ràng, thủ tục lấy ý kiến của người cho con nuôi cũng chưa từng được quy định trong các văn bản trước đây, đặc biệt là việc lấy ý kiến của những người liên quan (cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em) sẽ được xử lý như thế nào khi không tìm lại được cha mẹ đẻ của trẻ em hoặc cha mẹ đẻ đang chấp hành hình phạt tù, hoặc không hợp tác hoặc giấy khai sinh của trẻ em có tên cha mẹ đẻ nhưng không tìm được cha mẹ đẻ.

Do đó, người dân cũng như cán bộ làm công tác hộ tịch ở cơ sở không khỏi bối rối, lúng túng dẫn đến việc thực hiện TTHC của cán bộ giải quyết chưa đúng quy định.

Thứ ba, hạn chế của đội ngũ cán bộ tư pháp-hộ tịch [13, tr.30]

Đội ngũ cán bộ tư pháp – hộ tịch ở cấp xã còn thiếu về số lượng, còn thường xuyên luân chuyển dẫn đến việc cán bộ không nắm rõ tình hình thực tế ở địa phương, nhận thức các quy định pháp luật còn hạn chế, thiếu chuyên nghiệp trong công tác giải quyết nuôi con nuôi nên còn giải quyết việc nuôi con nuôi còn có cảm tính, vẫn còn hiện tượng đăng ký sai thẩm quyền, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi thiếu giấy tờ, bỏ qua một số thủ tục theo quy định pháp luật.

2.1.2.2. Thủ tục đăng ký con nuôi thực tế

Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã tạo điều kiện để người dân tiến hành thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của con nuôi và cha mẹ nuôi, thể hiện sự quan tâm lớn của Đảng và

Nhà nước đối với những trường hợp nuôi con nuôi thực tế. Tuy nhiên, do tâm lý của người Việt Nam không muốn con nuôi biết mình là con nuôi, không muốn có sự ràng buộc với cha mẹ đẻ của trẻ em, không muốn người khác biết về việc nhận con nuôi của mình nên việc đăng ký con nuôi thực tế còn hạn chế. Theo Báo cáo đánh giá tình hình thi hành Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, cả nước có khoảng 6.994 trường hợp con nuôi thực tế, tuy nhiên chỉ có 3.567 trường hợp (chiếm 51%) đã đăng ký còn 3.427 trường hợp (chiếm 49%) chưa đăng ký dù đã được động viên, khuyến khích của các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương và Bộ Tư pháp đã tích cực đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc khó khăn cho địa phương, tăng cường công tác hướng dẫn và tuyên truyền phổ biến pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thì thủ tục đăng ký con nuôi thực tế đã hết thời hạn thực hiện (31/12/2015), dẫn đến hậu quả pháp lý là quan hệ nuôi con nuôi thực tế sẽ không được pháp luật công nhận và bảo hộ. Để được công nhận và bảo hộ, người yêu cầu phải thực hiện thủ tục đăng ký con nuôi trong nước theo quy định của Luật Nuôi con nuôi với yêu cầu, điều kiện và hồ sơ phức tạp hơn so với thủ tục Đăng ký con nuôi thực tế. Việc này sẽ làm cho việc đăng ký khó khăn, phức tạp hơn, dẫn đến số lượng đăng ký sẽ ít và gây ra hậu quả pháp lý bất lợi cho cả người nhận con nuôi và người được nhận con nuôi khi thực hiện các quan hệ pháp luật liên quan đến nhân thân của người đó.

Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích chính đáng của mỗi bên khi có tranh chấp xảy ra. *Đây cũng là nguyên nhân gây ra nhiều khó khăn cho công tác xét xử, giải quyết các vụ tranh chấp về quyền thừa kế, quyền tài sản của các bên có liên quan đến việc nuôi con nuôi* [1, tr.134], dẫn đến tổn thương về tình cảm cha, mẹ, con.

2.1.2.3. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước, thủ tục Đăng ký nhu cầu nuôi con nuôi

Trên thực tế chưa phát sinh các TTHC nêu trên.

2.2. Thực trạng thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

2.2.1. Quy định về thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

2.2.1.1. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em

Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em được quy định tại Điều 8, 9, 14, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35,

36, 37, 38, 39 Luật Nuôi con nuôi; Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 47 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 4, 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện thủ tục:

Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách trẻ em: Trường hợp thuộc Danh sách 1 thì gửi Sở Tư pháp thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em; trường hợp thuộc diện Danh sách 2 thì gửi kèm hồ sơ của trẻ em xin ý kiến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và chuyển Danh sách tới Sở Tư pháp sau khi có ý kiến đồng ý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để Sở Tư pháp gửi Cục Con nuôi.

Cục Con nuôi đề nghị các Văn phòng con nuôi nước ngoài hỗ trợ tư vấn tâm lý, ngôn ngữ và các điều kiện cần thiết khác cho trẻ em lớn tuổi; hỗ trợ khám sức khỏe chuyên sâu, chăm sóc y tế và tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em (thuộc diện Danh sách 2).

Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam nộp hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em thuộc diện Danh sách 2 theo văn bản chấp thuận (nêu trên) của Cục Con nuôi hoặc Danh sách 1 theo Quyết định của Cục Con nuôi về việc phân bổ hồ sơ cho các Văn phòng Con nuôi nước ngoài.

Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (đối với Danh sách 1 và Danh sách 2) chuyển hồ sơ cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp;

Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận con nuôi. Trường hợp chấp thuận hồ sơ: chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp đề nghị giới thiệu trẻ em (đối với Danh sách 1); thông báo cho Văn phòng Con nuôi nước ngoài tại Việt Nam về việc chấp thuận hồ sơ của người nhận con nuôi (đối với Danh sách 2). Trường hợp không chấp thuận hồ sơ, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo UBND cấp tỉnh cho ý kiến (đối với Danh sách 1). Trường hợp UBND cấp tỉnh chấp thuận, Sở Tư pháp chuyển cho Cục Con nuôi 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của UBND cấp tỉnh (đối với Danh sách 1). Trường hợp không chấp thuận, UBND cấp tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Trường hợp Sở Tư pháp không giới thiệu được thì gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Con nuôi kèm theo văn bản nêu rõ lý do.

Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giới thiệu trẻ em do Sở Tư pháp giới thiệu (đối với Danh sách 1); kiểm tra kết quả tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em (đối với Danh sách 2). Nếu cần thiết, Cục Con nuôi tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, y tế, gia đình, xã hội. Trường hợp chấp thuận kết quả giới thiệu trẻ em/tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em, Cục Con nuôi thông báo kết quả giới thiệu trẻ em/kết quả tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em cho Cơ quan con nuôi Trung ương của nước ngoài hữu quan và người nhận con nuôi. Trường hợp không chấp thuận, Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp để thông báo cho UBND cấp tỉnh và Sở Tư pháp.

Văn phòng con nuôi nước ngoài gửi văn bản của người nhận con nuôi đồng ý nhận trẻ làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước đó.

Cục Con nuôi gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp về ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và người nhận con nuôi (đối với Danh sách 1); chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp (đối với Danh sách 2).

Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh ra quyết định cho nhận con nuôi. UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Sau khi có quyết định của UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức lễ giao nhận con nuôi;

Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi nước ngoài.

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 02 bộ hồ sơ của người xin nhận con nuôi: Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CNNNg.04.a); bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; Bản điều tra về tâm lý, gia đình; Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe; Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.

Các giấy tờ nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Thời hạn giải quyết:

Thời gian Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách trẻ em: Ngay khi tiếp nhận hoặc trong quá trình chăm sóc trẻ em.

Thời gian nộp hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em thuộc diện Danh sách 2: Bắt đầu từ khi được Cục Con nuôi cho phép hỗ trợ chăm sóc y tế và tìm gia đình thay thế cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt đến khi hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày trẻ em được xác nhận đủ điều kiện làm con nuôi người nước ngoài hoặc 60 ngày trong trường hợp đặc biệt.

Thời gian Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2): Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thay đổi ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ về việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài hoặc kể từ ngày nhận được văn bản xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi của Công an cấp tỉnh (trong trường hợp trẻ em bị bỏ rơi).

Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi (Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1): Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.

Thời gian UBND cấp tỉnh có ý kiến để chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp thiệu trẻ em làm con nuôi (Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1): Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra việc giới thiệu trẻ em thiệu trẻ em làm con nuôi (Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1): Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

Thời gian Văn phòng con nuôi nước ngoài gửi văn bản của cha mẹ nuôi đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hữu quan về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú ở nước ngoài hữu quan (đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2): Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cục Con nuôi (hoặc 60 ngày trong trường hợp trẻ em khuyết tật hoặc mắc bệnh quá nặng, người nhận con nuôi phải có thời gian để tham vấn ý kiến của bác sỹ).

Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: (i) Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của

cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước nơi mà trẻ em được nhận làm con nuôi. (ii) Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2: Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước nơi mà trẻ em được nhận làm con nuôi.

Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: (i) Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. (ii) Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2: Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

- Lệ phí, chi phí giải quyết thủ tục:

Trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1: người nhận nuôi con nuôi phải nộp 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí.

Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo đã được quy định: 9.000.000 đồng lệ phí và được miễn nộp chi phí.

Trường hợp nhận 2 trẻ em là anh chị em ruột có sức khỏe bình thường: 13.500.000 đồng lệ phí và 100.000.000 đồng chi phí.

Trường hợp nhận 1 trẻ em lớn tuổi từ 5 tuổi (có sức khỏe bình thường) trở lên: 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí.

- Để thực hiện TTHC, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Đối với người nhận con nuôi: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu,

người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

2.2.1.2. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi được quy định tại Điều 8, 9, 14, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 37, 38, 39, 41 Luật Nuôi con nuôi; Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 47 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 4, 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện thủ tục:

Người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi cho Cục Con nuôi. Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi, người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi hoặc gửi cho Cục Con nuôi qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm.

Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ. Trường hợp chấp thuận hồ sơ, Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp đề nghị xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi. Trường hợp không chấp thuận, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Trường hợp UBND cấp tỉnh không chấp thuận thì Sở Tư pháp có văn bản báo cáo Cục Con nuôi và Cục Con nuôi trả lại hồ sơ cho đương sự và nêu rõ lý do bằng văn bản.

Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.

Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi nước ngoài.

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 02 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và 01 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, cụ thể như sau:

Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CNNNg.04); bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam; Bản điều tra về tâm lý, gia đình; Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe; Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm: bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của cha dượng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi; giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi; Giấy xác nhận của UBND hoặc Công an cấp xã, nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi.

Các giấy tờ nêu trên nếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá lãnh sự tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm Giấy khai sinh; Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; Biên bản xác nhận do UBND hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng; Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em (mẫu TP/CN-2014/CNNNg.05) (trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi thì không cần văn bản này).

- Thời hạn giải quyết: Thời gian Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở tư pháp trình.

- Lệ phí, chi phí: người nhận con nuôi phải nộp 9.000.000đ (lệ phí), 50.000.000đ (chi phí) đối với trường hợp trẻ em thuộc Danh sách 1 và sống ở cơ sở trợ giúp xã hội. Trường hợp cô, dì, chú bác nhận cháu ruột làm con nuôi; cha dượng, mẹ kế nhận con riêng làm con nuôi được giảm 50% lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh, chị em ruột làm con nuôi, thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.

Trường hợp cô, cậu, dì, chú bác nhận cháu ruột làm con nuôi; cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; người nhận trẻ em thuộc Danh sách 2 làm con nuôi thì được miễn nộp chi phí.

- Để thực hiện TTHC, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Đối với người nhận con nuôi: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên (không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi); có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi (không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi); có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng,

mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

2.2.1.3. Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi

Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi được quy định tại Điều 17, 40 Luật Nuôi con nuôi, Điều 1 Thông tư số 12/2011/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Công dân Việt Nam ở trong nước nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp để được xem xét, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi. Bộ Tư pháp xem xét, cấp giấy xác nhận người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi: Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2011/CN.02); bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (mẫu TP/CN-2011/CN.06).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

- Lệ phí: Người xin nhận con nuôi không phải nộp lệ phí.

- Để thực hiện TTHC, người xin nhận con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên (không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi); có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi (không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi); có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích

về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

2.2.1.4. Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được quy định trực tiếp tại 8, 9, 14, 28, 29, 30, 31 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 26, 27, 28 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 4, 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện thủ tục: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Cơ quan đại diện ở nước ngoài nơi người nhận con nuôi hoặc người được nhận làm con nuôi tạm trú. Trường hợp người nhận con nuôi tạm trú tại nước không có Cơ quan đại diện, thì nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện ở nước ngoài nơi họ thấy thuận tiện nhất. Cơ quan đại diện kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan. Trường hợp hồ sơ nuôi con nuôi không rõ ràng, cần yêu cầu cơ quan trong nước kiểm tra, xác minh, Cơ quan đại diện có văn bản kèm bản chụp hồ sơ gửi Cục Con nuôi, đồng thời gửi Cục Lãnh sự, yêu cầu xác minh. Cơ quan đại diện ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các bên. Người nhận con nuôi nhận Giấy chứng nhận đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện (nhận tại Lễ giao nhận con nuôi).

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và 01 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, cụ thể như sau:

Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CN.02); bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp - có thể do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi tạm trú cấp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy khám sức khỏe - có thể do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi tạm trú cấp; Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế - có thể do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người xin con nuôi tạm trú cấp (mẫu TP/CN-2011/CN.06).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm Giấy khai sinh; Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp

không quá 06 tháng; Biên bản xác nhận do UBND hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự.

- Thời hạn giải quyết: Thời gian cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi lấy ý kiến của những người liên quan. Trường hợp cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài yêu cầu cơ quan trong nước xác minh thì thời gian cơ quan trong nước tiến hành xác minh là 30 ngày, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Lệ phí: Người nhận con nuôi phải nộp lệ phí là 150 đô la Mỹ/trường hợp. Mức lệ phí được quy đổi ra đồng tiền của nước sở tại theo tỷ giá bán ra của đồng đô la Mỹ do ngân hàng nơi cơ quan đại diện Việt Nam ở nước đó mở tài khoản công bố.

- Để thực hiện TTHC, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Đối với người nhận con nuôi: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng,

mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

2.2.1.5. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Thủ tục Đăng ký lại nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, Điều 1 Thông tư số 12/2011/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại Sở Tư pháp nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây. Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

- Thành phần hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (mẫu TP/CN-2011/CN.04). Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được; cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

2.2.1.6. Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi được quy định tại Điều 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 41 Luật Nuôi con nuôi, Điều 4, 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi nộp trực tiếp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú. Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan và trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định. UBND cấp tỉnh ra Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy

định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp. Trường hợp từ chối thì Sở Tư pháp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và 01 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, cụ thể như sau:

Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CN.02); bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (mẫu TP/CN-2011/CN.06).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm Giấy khai sinh; Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; Biên bản xác nhận do UBND hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

- Thời hạn giải quyết: Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. UBND tỉnh quyết định: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

- Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.

- Để thực hiện TTHC, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Đối với người nhận con nuôi: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án

tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

2.2.1.7. Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi

Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi được quy định tại Điều 8, 9, 14, 17, 42 Luật Nuôi con nuôi; Điều 22 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nộp trực tiếp hồ sơ tại Sở Tư pháp để được xem xét, xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi. Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và xác nhận nếu người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thành phần hồ sơ gồm Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CN.02); bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (mẫu TP/CN-2011/CN.06) (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này); các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.

- Lệ phí: Người yêu cầu xác nhận không phải nộp lệ phí.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Người xin nhận con nuôi phải đáp ứng yêu cầu, điều kiện sau: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

2.2.1.8. Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi được quy định trực tiếp tại Điều 8, 9, 18, 42 Luật Nuôi con nuôi; Điều 9, 10, 21 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 1 Thông tư số 24/2014/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng nhận con nuôi nộp trực tiếp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại UBND cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú. Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan và có văn bản gửi Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và của trẻ em để xin ý kiến. Sở Tư pháp xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi và trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã. UBND cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi, tiến hành giao nhận con nuôi. Trường hợp Sở Tư pháp không đồng ý thì UBND cấp xã trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi và nêu rõ lý do.

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 02 bộ hồ sơ của người nhận nuôi con nuôi và 02 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi, cụ thể như sau:

Hồ sơ của người nhận con nuôi gồm Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CN.02); bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy khám sức khỏe; hai ảnh chụp toàn thân (chụp mới nhất, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10 cm x 15 cm).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi gồm Giấy khai sinh; Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp

không quá 06 tháng; Biên bản xác nhận do UBND hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

- Thời hạn giải quyết: UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Tư pháp có ý kiến: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã. Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.

- Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.

- Để thực hiện TTHC, người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Đối với người nhận con nuôi: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi; có tư cách đạo đức tốt.

Đồng thời, Luật Nuôi con nuôi cũng quy định các trường hợp không được nhận nuôi con nuôi là những người đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau: là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi; một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

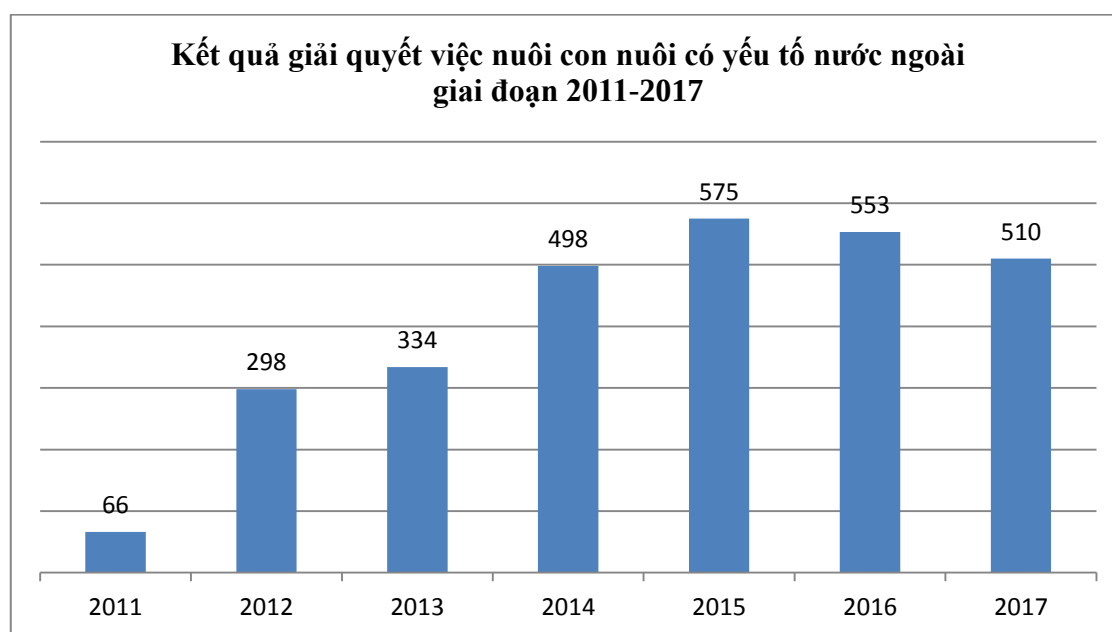
2.2.2. Kết quả, tồn tại, hạn chế về giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

2.2.2.1. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em; thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi; thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

a) Một số kết quả đạt được [13, tr.14-tr.23]

So với Nghị định số 68/2002/NĐ-CP, các quy định của Luật nuôi con nuôi và Công ước Lahay có thay đổi hết sức cơ bản và tạo sự liên thông giữa con nuôi trong nước và con nuôi nước ngoài theo nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài là biện pháp cuối cùng vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Công tác giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong giai đoạn 2011-2017 đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Luật nuôi con nuôi và Công ước Lahay.

Sau 7 năm triển khai Luật Nuôi con nuôi, cả nước giải quyết được 2.834 trẻ em làm con nuôi người nước ngoài; các trường hợp nuôi con nuôi nước ngoài chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với các trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước, cụ thể như sau:



Biểu đồ 2.6: Kết quả giải quyết con nuôi có yếu tố nước ngoài giai đoạn 2011-2017 [13, tr. 14], [15, tr. 14], [16, tr. 14]

Công tác giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài nhìn chung được thực hiện tuân thủ đúng quy định pháp luật, bước đầu có sự gắn kết với nghiệp vụ công tác xã hội trong quá trình giải quyết nuôi con nuôi. Trẻ em Việt Nam được giải quyết làm con nuôi nước ngoài chủ yếu tại các nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước La Hay và hiệp định hợp tác song phương, cụ thể như ở Pháp, Italia, Canada, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Ailen, Đức, Hoa Kỳ, Luxembourg, Bỉ, Na-Uy, Đan Mạch. Mặc dù số lượng các trường hợp giải quyết nuôi con nuôi quốc tế sụt giảm mạnh so với giai đoạn trước khi có luật nhưng việc giải quyết nuôi con nuôi lại có chuyển hướng tích cực về chất lượng và mang tính chuyên nghiệp hơn, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật và Nghị định, tuân thủ nguyên tắc và trình tự, thủ tục quy định của Công ước La Hay.

Sau gần 06 năm thực thi Luật và Nghị định, việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài đối với trẻ em thuộc diện Danh sách 2 được thực hiện bài bản, dần tiếp cận trình tự thủ tục theo Công ước La Hay. Thông qua việc giải quyết trẻ em Danh sách 2 làm con nuôi nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương đã bắt đầu có sự phối hợp nhịp nhàng từ khâu lập danh sách trẻ em, xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi đến việc giới thiệu và thông báo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Ở cấp Trung ương, xác định tầm quan trọng của công tác tìm gia đình thay thế cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt làm con nuôi nước ngoài, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương của nước ngoài và tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam để tìm được những gia đình cha mẹ nuôi phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của trẻ em, đồng thời chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài.

Trong gần 06 năm 2011-2016 thực thi Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP và 05 năm thực hiện Công ước La Hay, việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài luôn đảm bảo tính an toàn về pháp lý, bảo đảm trẻ em đủ điều kiện theo quy định pháp luật trong nước cũng như pháp luật nước ngoài; không để một trường hợp nào sơ xảy về điều kiện pháp lý trong việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Thông qua thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, nhiều trẻ em bị bệnh tật hiểm nghèo, trẻ em khuyết tật được nhận làm con nuôi, được chăm sóc và chữa trị bệnh tật trong điều kiện y tế hiện đại; một số trường hợp trẻ em tìm lại được cha mẹ đẻ, sau khi được cán bộ Sở Tư pháp tư vấn

đã được cha mẹ đẻ đón về nuôi dưỡng. Điều này thể hiện ý nghĩa nhân đạo của Luật nuôi con nuôi.

b) Tồn tại, hạn chế [13, tr.23]

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài còn một số hạn chế. Công tác giải quyết trẻ em thuộc diện Danh sách 1 làm con nuôi nước ngoài còn hạn chế về số lượng và chậm trễ về tiến độ thực hiện, từ khâu lập danh sách để đăng tin tìm gia đình thay thế cho trẻ em đến khâu xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài và giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Một số trường hợp trẻ em thuộc diện Danh sách 2 thủ tục giải quyết cũng bị kéo dài; vẫn còn hiện tượng cha mẹ nuôi trả lại trẻ em sau khi sang Việt Nam hoàn tất thủ tục vì lý do sức khỏe của trẻ hoặc vì việc trẻ em lớn tuổi không thể hòa nhập được với cha mẹ nuôi nước ngoài.

Đối với việc giải quyết cho trẻ em thuộc diện con riêng, cháu ruột làm con nuôi ở nước ngoài gặp một số khó khăn, đặc biệt khi phía nước ngoài chưa cho phép trẻ em thuộc đối tượng này nhập cảnh vào nước nhận thông qua việc nhận con nuôi (*Hoa Kỳ chưa chấp thuận giải quyết nuôi con nuôi đối với các trường hợp con riêng, cháu ruột là người Việt Nam*), hoặc một số nước đề nghị phía Việt Nam phải xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi trước khi phía nước ngoài chấp thuận giải quyết hồ sơ của người nhận con nuôi hiện đang thường trú ở nước đó (như Na Uy, Bỉ).

c) Nguyên nhân

Thứ nhất, triển khai công tác thi hành Luật và Nghị định ở một số địa phương còn chậm trễ, chưa đồng đều, hạn chế về số lượng và chưa có sự quan tâm đầy đủ của cấp có thẩm quyền [13, tr.30]

Qua thống kê số liệu giải quyết nuôi con nuôi trên toàn quốc cho thấy, kết quả triển khai công tác nuôi con nuôi nước ngoài còn rất hạn chế về số lượng, và chưa đồng đều, đặc biệt là chưa nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ phía các cơ quan có thẩm quyền của cấp tỉnh. Số lượng các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tham gia giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài năm 2011 là năm thấp nhất chỉ có 7 tỉnh/thành phố tham gia (chiếm 11%) và năm 2015 là năm cao nhất có 29 tỉnh/thành phố tham gia (chiếm gần 46%). Việc chậm triển khai thi hành Luật, Nghị định và việc chưa quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết việc nuôi con

nuôi nước ngoài và một số lượng lớn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở các cơ sở trợ giúp xã hội chưa/không tìm được gia đình thay thế ở trong nước và nước ngoài.

Thứ hai, nhận thức về nuôi con nuôi quốc tế chưa theo kịp quy định pháp luật về nuôi con nuôi, đặc biệt là vấn đề tài chính [13, tr.31]

Các cơ quan, ban, ngành ở địa phương còn chưa hiểu rõ bản chất nhân đạo của chế định nuôi con nuôi nước ngoài nên còn chưa mặn mà hưởng ứng giải quyết nuôi con nuôi quốc tế. Do quy định mới thay đổi căn bản về trình tự thủ tục giải quyết nên các cơ quan ở địa phương còn nhiều ngỡ ngàng; một số địa phương còn có tâm lý e ngại, sợ làm sai. Một số địa phương vẫn tư duy theo nếp cũ và quy định cũ khi giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài.

Trong giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài, vẫn còn tồn tại tư duy và nhận thức cũ, gán việc cho nhận con nuôi với việc hỗ trợ nhân đạo. Ngay sau khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực, các tổ chức con nuôi nước ngoài dừng hẳn hoạt động hỗ trợ nhân đạo mặc dù pháp luật Việt Nam khuyến khích các tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhân đạo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngay cả cơ quan trung ương và tổ chức con nuôi nước ngoài của một số nước cũng chưa hiểu rõ nguyên tắc tách bạch giữa hoạt động nuôi con nuôi quốc tế và hỗ trợ nhân đạo được thực hiện như thế nào. Việc lúng túng trong cách thực hiện hỗ trợ nhân đạo và trợ giúp kỹ thuật của các tổ chức con nuôi nước ngoài và cơ sở trợ giúp xã hội khiến cho việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài sụt giảm.

Thứ ba, một số quy định pháp luật còn gây ách tắc trong việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài [13, tr.33]

Trong thực tiễn việc chỉ định các cơ sở trợ giúp đủ điều kiện cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài trong thời gian qua đã khiến cho nhiều cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập không được tham gia giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài; một số lượng lớn trẻ em cần tìm gia đình thay thế không tìm được gia đình thay thế trong nước và nước ngoài.

Trong thời gian qua, việc miễn chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài (50.000.000 VNĐ/trường hợp) đối với các trẻ em thuộc diện Danh sách 2 cũng gây thêm khó khăn cho địa phương về kinh phí giải quyết việc nuôi con nuôi, đặc biệt là các cơ sở trợ giúp xã hội (thiếu kinh phí khám sức khỏe, chăm sóc, chữa trị y tế cho trẻ em, thiếu kinh phí bổ sung cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, cải thiện điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng cho trẻ em ở cơ sở trợ

giúp xã hội), trong khi đó đa số trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài thuộc diện Danh sách 2 (chiếm 61,49%).

Đối với việc giải quyết trẻ em Danh sách 1 được hưởng chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài thì việc ách tắc trong sử dụng các khoản lệ phí và chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài ở địa phương khiến cho các địa phương không mặn mà giải quyết trẻ em theo diện Danh sách 1, vì vậy việc thực thi Luật và Công ước La Hay càng gặp khó khăn. Sở dĩ như vậy là do quy định pháp luật coi nguồn chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài thuộc ngân sách địa phương nên việc sử dụng khoản kinh phí đó gặp rất nhiều khó khăn, không thực hiện đúng mục đích đặt ra.

Ngoài ra, quy định về hồ sơ giải quyết TTHC còn khá phức tạp, thời gian giải quyết kéo dài do có nhiều thủ tục con, một số quy định chưa rõ ràng, gây khó khăn, vướng mắc cho việc triển khai thực hiện như quy định lập Danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế (Điều 15 Luật Nuôi con nuôi) và Danh sách trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (khoản 2 Điều 33 Luật nuôi con nuôi & Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP), quy định về công tác kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của cha/mẹ đẻ hoặc người giám hộ và xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (Điều 33 Luật Nuôi con nuôi và điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP), quy định trong việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài (Điều 36 Luật Nuôi con nuôi), quy định trong việc giải quyết nuôi con nuôi thực tế có yếu tố nước ngoài...

Thứ tư, cơ chế phối hợp liên ngành ở địa phương còn chưa kịp thời, chưa chủ động, còn yếu và thiếu [13, tr.31]

Trong công tác giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài, việc phối hợp liên ngành ở địa phương còn chưa kịp thời, chưa chủ động, còn thiếu và yếu ở những điểm sau:

- Trong công tác lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế: việc lập danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng; cơ quan chủ quản của cơ sở nuôi dưỡng (chủ yếu là ngành Lao động, Thương binh và Xã hội) còn chưa chủ động, chưa tích cực đôn đốc cơ sở nuôi dưỡng thực hiện nhiệm vụ này. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đôi khi còn chậm trễ trong việc phê duyệt Danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế vì không hiểu rõ ràng về nhiệm vụ của mình. Sở Tư pháp là cơ quan được giao thực hiện tìm gia đình thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở cơ sở nuôi dưỡng cũng không chủ động đôn đốc cơ sở nuôi dưỡng thực hiện nhiệm vụ vì lý do cơ sở nuôi

dưỡng không phải là đơn vị trực thuộc; dẫn đến tình trạng Sở Tư pháp chỉ thụ động tiếp nhận Danh sách trẻ em cần tìm gia đình thay thế. Sở Tư pháp, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chưa chủ động và tích cực phối hợp để tham mưu cho UBND tỉnh trong việc tìm gia đình thay thế cho những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sống tại các cơ sở nuôi dưỡng chưa được chỉ định giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài. Cơ chế phối hợp liên ngành hiện tại chỉ tập trung vào việc giải quyết cho trẻ em Danh sách 1 sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi nước ngoài trong khi phần lớn trẻ em thuộc Danh sách 2 được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài trong thời gian qua.

- Trong công tác xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài, trong giai đoạn bắt đầu thực hiện Luật, việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài còn bị kéo dài thông thường là do kết quả xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi của Cơ quan công an cấp tỉnh còn chậm, thường không tuân thủ 30 ngày như theo quy định. Cho đến nay, tiến độ xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi đã được cải thiện rất nhiều. Tuy nhiên, về nội dung xác minh đôi khi chỉ tập trung vào việc xác định địa chỉ để lại của cha, mẹ đẻ của trẻ em dẫn đến kết luận về nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi còn chưa rõ ràng. Điều này khiến cho Sở Tư pháp còn gặp nhiều lúng túng trong việc xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi. Hoặc có những trường hợp cơ quan công an tìm được địa chỉ để lại và xác định được cha mẹ đẻ của trẻ bị bỏ rơi chưa kịp thời thông báo hoặc phối hợp với Sở Tư pháp để tiến hành thủ tục lấy ý kiến của cha, mẹ đẻ của trẻ về việc cho trẻ em làm con nuôi. Điều này cũng dẫn đến việc kéo dài thời gian giải quyết.

- Quy trình thủ tục giải quyết nuôi con nuôi quốc tế còn chưa gắn bó hữu cơ với quy trình công tác xã hội trong việc thực hiện các biện pháp chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Theo khuyến nghị của Công ước La Hay, việc giải quyết nuôi con nuôi quốc tế cần có sự tham gia của nhiều cơ quan chuyên môn liên ngành, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế, tâm lý và xã hội. Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ làm công tác giải quyết nuôi con nuôi quốc tế ở cấp trung ương cũng như ở địa phương còn không có đội ngũ chuyên gia am hiểu các lĩnh vực trên, mới chỉ đơn thuần là các cán bộ có trình độ pháp luật. Vì vậy, trên thực tế có những trường hợp cha mẹ nuôi từ chối nhận trẻ em được giới thiệu làm con nuôi hoặc trả lại trẻ em sau khi đã đến Việt Nam hoàn tất thủ tục giao nhận vì vấn đề sức khỏe và tâm lý của trẻ em (trẻ em bị bệnh hoặc mức độ khuyết tật nặng hơn rất nhiều so với tình trạng mô tả trong hồ sơ của trẻ hoặc

trẻ em lớn tuổi không được chuẩn bị đầy đủ về tâm lý và các điều kiện cần thiết khác để làm con nuôi).

Thứ năm, đội ngũ cán bộ làm con nuôi quốc tế còn có hạn chế [13, tr.34]

Mặc dù Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp đều chú trọng công tác tập huấn các quy định pháp luật về nuôi con nuôi nhưng khi bắt tay vào nhiệm vụ, cán bộ làm công tác nuôi con nuôi nước ngoài gặp rất nhiều lúng túng, không nắm rõ trình tự thủ tục giải quyết (từ khâu lập danh sách đến khâu tìm gia đình thay thế, kiểm tra, xác nhận hồ sơ và xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài).

Ngoài ra, hiện nay đội ngũ cán bộ làm công tác nuôi con nuôi quốc tế còn thiếu cán bộ có chuyên môn xã hội và tâm lý và y tế. Cho nên, việc giải quyết nuôi con nuôi mới chỉ tập trung vào các điều kiện pháp lý của trẻ em.

2.2.2.2. Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Qua gần 06 năm thi hành Luật nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP cả nước có 46 trường hợp nuôi con nuôi ở 9/25 tỉnh biên giới Việt Nam (gồm Hà Giang, Đồng Tháp, Lạng Sơn, Hà Tĩnh, Cao Bằng, Nghệ An, Sơn La, Quảng Bình và Quảng Nam). Trong đó, địa phương giải quyết nhiều trường hợp nuôi con nuôi ở khu vực biên giới nhất là tỉnh Hà Giang (18 trường hợp, chiếm 39.1%), tỉnh Đồng Tháp (10 trường hợp, chiếm 21.7 %). Đa số trẻ em Việt Nam được công dân của nước láng giềng ở khu vực biên giới nhận làm con nuôi đều là trẻ em nhỏ tuổi và có sức khỏe bình thường [13, tr.30].

2.2.2.3. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thủ tục ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng, thủ tục xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi, thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam

Trên thực tế chưa phát sinh các TTHC nêu trên.

2.3. Thực trạng thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

2.3.1. Quy định về thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

2.3.1.1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Điều 31, 32, 33 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 6 Nghị

định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 2, 4, 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP; Điều 1 Thông tư số 12/2011/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp trực tiếp hồ sơ tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp. Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ, phỏng vấn người dự kiến đứng đầu văn phòng tại Việt Nam; kiểm tra, đánh giá về điều kiện, năng lực chuyên môn của tổ chức và đội ngũ nhân viên của tổ chức con nuôi nước ngoài. Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an cho ý kiến đánh giá về tổ chức con nuôi nước ngoài và người dự kiến đứng đầu văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp giấy phép cho tổ chức con nuôi nước ngoài và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cục Con nuôi thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp 02 bộ hồ sơ gồm: Đơn của tổ chức con nuôi nước ngoài xin phép hoạt động tại Việt Nam (mẫu TP/CN-2011/CNNNg.08.a); bản sao Điều lệ, Quy chế hoạt động hoặc văn bản thành lập tổ chức con nuôi nước ngoài; bản sao Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập cấp, cho phép tổ chức được hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam hoặc lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế; Báo cáo tình hình hoạt động trong lĩnh vực con nuôi quốc tế trong 03 năm gần nhất, bao gồm cả tình hình thu, chi tài chính về con nuôi quốc tế, không vi phạm pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập xác nhận; trường hợp đã hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, thì phải có Báo cáo về tình hình hoạt động tại Việt Nam do người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài ký và đóng dấu; Báo cáo đánh giá về sự hiểu biết của các nhân viên xã hội và nhân viên pháp lý làm việc tại tổ chức con nuôi nước ngoài về các lĩnh vực pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi; Lý lịch cá nhân, Phiếu lý lịch tư pháp (được cấp chưa quá 06 tháng), bản sao Văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài; Lý lịch cá nhân, Phiếu lý lịch tư pháp (được cấp chưa quá 06 tháng), bản sao Văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và Văn bản của tổ chức chấp thuận cử người đó làm người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời hạn giải quyết: Cục Con nuôi thẩm tra hồ sơ: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Bộ Công an có văn bản trả lời: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an.

- Lệ phí: 65.000.000 đồng/lần cấp phép.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Để được cấp phép tổ chức con nuôi và người đứng đầu Văn phòng con nuôi phải đáp ứng các điều kiện sau:

Đối với tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam phải được thành lập và hoạt động hợp pháp, phi lợi nhuận trong lĩnh vực nuôi con nuôi trên lãnh thổ của nước là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên; được cơ quan có thẩm quyền về nuôi con nuôi của nước nơi thành lập cho phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Việt Nam; có thời gian hoạt động trong lĩnh vực con nuôi quốc tế liên tục từ 03 năm trở lên, không vi phạm pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền của nước đó xác nhận; có đội ngũ nhân viên công tác xã hội và pháp lý hiểu biết về pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi; người đại diện của tổ chức tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về đạo đức, chuyên môn về lĩnh vực nuôi con nuôi.

Đối với người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam: là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài; nếu là công dân Việt Nam thì không thuộc diện công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; có đạo đức tốt; không có tiền án, tiền sự, không thuộc diện bị cấm xuất cảnh, nhập cảnh; hiểu biết về pháp luật, văn hóa, xã hội Việt Nam liên quan đến nuôi con nuôi và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi; một người chỉ được đứng đầu một Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

2.3.1.2. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Điều 34 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 2, 4, 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP; Điều 1 Thông tư số 12/2011/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép hoạt động tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp. Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ; kiểm tra hoạt động của Văn phòng con nuôi

nước ngoài tại Việt Nam; đánh giá lại năng lực chuyên môn của tổ chức con nuôi nước ngoài, nếu thấy cần thiết. Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an cho ý kiến đánh giá về tổ chức con nuôi nước ngoài. Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định gia hạn Giấy phép; thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý. Trường hợp từ chối gia hạn Giấy phép, Cục Con nuôi thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.

- Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp 02 bộ hồ sơ gồm Đơn xin sửa đổi, gia hạn giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (mẫu TP/CN-2011/CNNNg.08.b); Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; Báo cáo hoạt động của tổ chức tại Việt Nam.

- Thời hạn giải quyết: Cục Con nuôi thẩm tra hồ sơ: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Bộ Công an có văn bản trả lời: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định gia hạn Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an.

- Lệ phí (nếu có): 35.000.000 đồng/lần gia hạn.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Tổ chức con nuôi nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động về nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

2.3.1.3. Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại Điều 35 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; Điều 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; Điều 2, 4, 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP; Điều 1 Thông tư số 12/2011/TT-BTP, cụ thể như sau:

- Trình tự, cách thức, cơ quan thực hiện: Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp. Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ: (i) Trường hợp tổ chức con nuôi nước ngoài thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ghi nội dung thay đổi vào Giấy phép; thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý. (ii) Trường hợp tổ chức con nuôi nước ngoài thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam,

Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng đề nghị Bộ Công an cho ý kiến về việc thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cho phép thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý. Trường hợp không chấp nhận người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, Cục Con nuôi thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.

- Thành phần, số lượng hồ sơ gồm 01 bộ đối với trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; 02 bộ đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Thành phần hồ sơ gồm Đơn xin gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài (mẫu TP/CN-2011/CNNNg.08.b); bản chính Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam còn phải nộp Lý lịch cá nhân; Phiếu lý lịch tư pháp; bản sao Văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi tại Việt Nam và Văn bản của tổ chức chấp thuận cử người đó làm người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Thời hạn giải quyết:

(i) Đối với trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị ghi chú thay đổi, Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ghi chú nội dung thay đổi vào Giấy phép.

(ii) Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam: Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Bộ Công an có văn bản trả lời: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định sửa đổi Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn trả lời của Bộ Công an.

- Lệ phí: Không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam thì người dự kiến đứng đầu

văn phòng con nuôi nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài; nếu là công dân Việt Nam thì không thuộc diện công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; có đạo đức tốt; không có tiền án, tiền sự, không thuộc diện bị cấm xuất cảnh, nhập cảnh; hiểu biết về pháp luật, văn hóa, xã hội Việt Nam liên quan đến nuôi con nuôi và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi; một người chỉ được đứng đầu một Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

2.3.2. Kết quả, tồn tại, hạn chế về giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Sau khi gia nhập Công ước Lahay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với 14 nước, bao gồm: Pháp, Đan Mạch, Italia, Ailen, Thụy Điển, Hoa Kỳ, Canada, Thụy Sĩ, Bỉ, Đức, Na Uy, Hà Lan, Tây Ban Nha và Luxembourg. Bộ Tư pháp đã cấp phép hoạt động cho 36 tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, trong đó có 6 tổ chức Pháp, 2 tổ chức Đan Mạch, 7 tổ chức Italia, 5 tổ chức của Canada, 6 tổ chức của Tây Ban Nha, các quốc gia còn lại trong 14 nước là 01 tổ chức/mỗi nước [10, tr.15].

Năm 2017, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận và hoàn tất thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động cho 17 tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, trong đó, có 05 tổ chức con nuôi của Pháp, 05 tổ chức con nuôi của Italia, 03 tổ chức con nuôi của Hoa Kỳ, 02 tổ chức con nuôi của Tây Ban Nha và 01 tổ chức con nuôi của Bỉ (Cộng đồng Pháp ngữ), 01 tổ chức con nuôi của Canada; cấp giấy phép cho 01 tổ chức con nuôi của Luxembourg; 01 tổ chức nuôi con nuôi của Manta [23, tr.5].

Về cơ bản việc giải quyết thủ tục Cấp giấy phép hoạt động, Gia hạn hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đảm bảo đúng quy định. Tuy nhiên, một số quy định về thủ tục Cấp giấy phép hoạt động, Gia hạn hoạt động chưa phù hợp, chưa tạo điều kiện cho các tổ chức thực hiện, quy định phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an trong xác minh chưa thống nhất, phù hợp. Do đó cần tiếp tục hoàn thiện các quy định này để tạo điều kiện hơn cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam hoạt động, là cầu nối quan trọng giữa con nuôi Việt Nam với cha mẹ nuôi ở nước ngoài.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định 15 TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, được chia thành 03 (ba) nhóm, gồm: TTHC liên quan đến nuôi con nuôi trong nước (04 TTHC), TTHC liên quan đến nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (08 TTHC) và TTHC liên quan đến tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (03 TTHC). Về cơ bản, các TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi được quy định khá đầy đủ các bộ phận cấu thành theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), tạo khung pháp lý quan trọng trong việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Trong giai đoạn từ năm 2011 - 2017, việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi đã đạt được kết quả tích cực, nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã tìm được gia đình thay thế ở trong nước và nước ngoài, công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi đi vào nề nếp, được chú trọng, tăng cường. Bên cạnh, những kết quả đạt được, việc giải quyết việc nuôi con nuôi vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như một số trường hợp đăng ký nuôi con nuôi sai thẩm quyền; vẫn còn hiện tượng hủy và thu hồi giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi, tự chấm dứt việc nuôi con nuôi khi không có căn cứ chấm dứt, còn sai phạm trong việc xác lập hồ sơ giải quyết nuôi con nuôi, việc giải quyết TTHC (nhất là thủ tục nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài) còn chậm trễ, kéo dài. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế nêu trên là do một số quy định của Luật Nuôi con nuôi chưa cụ thể, rõ ràng, rườm rà, chưa hợp lý; hạn chế của đội ngũ cán bộ giải quyết việc nuôi con nuôi; cơ chế phối hợp liên ngành ở địa phương còn chưa kịp thời, chưa chủ động... Trên cơ sở quy định về TTHC và thực tiễn triển khai các quy định này trên thực tế, cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI Ở VIỆT NAM

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá TTHC (được nêu tại tiểu mục 1.3.2, mục 1.3, Chương 1 của Luận văn) và thực tiễn giải quyết các TTHC nêu trên, đã cho thấy một số quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi chưa rõ ràng, đầy đủ, phù hợp cần tiếp tục được hoàn thiện, cụ thể như sau:

- Thành phần hồ sơ của một số TTHC còn rườm rà, chưa cụ thể, rõ ràng nên việc thực hiện TTHC chưa thuận tiện, lúng túng; vẫn còn tình trạng lạm dụng bản sao có chứng thực trong hồ sơ thực hiện (*như thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước; thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi; thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi; thủ tục Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi; thủ tục Cấp giấy xác nhận người Việt Nam đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi; thủ tục Cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*).

- Việc chỉ quy định nộp và nhận kết quả giải quyết thủ tục bằng hình thức trực tiếp chưa tạo thuận lợi, gây khó khăn, tăng chi phí cho cá nhân, tổ chức (hầu hết các TTHC).

- Trình tự thực hiện một số thủ tục còn rườm rà hoặc chưa phù hợp nên kéo dài thời gian thực hiện hoặc chưa quy định về trình tự thực hiện nên việc thực hiện chưa thống nhất (*như thủ tục Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi; thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em; thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*).

- Thời gian thực hiện của một số thủ tục còn dài, thực tế có thể rút ngắn để đảm bảo nhanh chóng tìm gia đình thay thế cho trẻ em hoặc không quy định rõ thời gian thực hiện thủ tục gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục (*như*

thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi; thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi; Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi; Cấp giấy xác nhận người Việt Nam đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi).

- Một số quy định thủ tục chưa thống nhất với văn bản QPPL cao hơn (*nghư thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng; thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài*).

Do vậy, việc nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi là hoàn toàn cần thiết, nhằm đảm bảo TTHC sau khi kiến nghị sửa đổi, bổ sung thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp nhất; tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục; đảm bảo mục tiêu nhanh chóng tìm gia đình thay thế cho trẻ em, cũng như hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này.

3.2. Những yêu cầu việc hoàn thiện pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Để hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, Luận văn đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại các văn bản QPPL hiện hành. Việc hoàn thiện các TTHC này cần phải đảm bảo các yêu cầu như sau:

Thứ nhất, TTHC sau khi hoàn thiện phải đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện. Điều này là rất cần thiết đảm bảo tạo thuận lợi cho mọi cá nhân, tổ chức dễ dàng tìm hiểu và thực hiện thủ tục.

Thứ hai, TTHC vẫn phải phù hợp với mục tiêu quản lý hành chính nhà nước. TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi là công cụ, phương tiện quan trọng để các cơ quan hành chính thực hiện việc quản lý đối với lĩnh vực này. Do đó, sau khi hoàn thiện thì TTHC bên cạnh để đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức thì quy định TTHC vẫn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực này.

Thứ ba, TTHC được hoàn thiện phải bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện TTHC. Đối tượng thực hiện TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi khá đa dạng, bao gồm cá nhân (người nhận con nuôi, người được nhận con nuôi và người có liên quan, trong đó gồm công dân Việt Nam và người nước ngoài) và tổ

chức (cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam). Do vậy, để tránh phân biệt, đối xử giữa các đối tượng thì việc quy định bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đối tượng thực hiện TTHC là hoàn toàn cần thiết. Tuy nhiên, bình đẳng không có nghĩa là “cào bằng”, cần cân nhắc điều kiện, năng lực của từng đối tượng để quy định cho phù hợp.

Thứ tư, việc hoàn thiện TTHC phải đảm bảo tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước. Đây là yêu cầu rất quan trọng bởi vì một TTHC với thời gian thực hiện kéo dài và chi phí thực hiện cao sẽ gây phiền hà, làm mất chi phí cơ hội của cá nhân, tổ chức, kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội.

Thứ năm, việc hoàn thiện TTHC phải đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của các quy định về TTHC; TTHC phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định trên cơ sở bảo đảm tính liên thông giữa TTHC liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý; dự án, dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan nào, cơ quan đó phải có trách nhiệm hoàn chỉnh. Nguyên tắc này đảm bảo TTHC được quy định phù hợp, thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản QPPL. Đồng thời, đảm bảo chỉ những cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được ban hành TTHC và dưới hình thức văn bản nhất. Hiện nay, Điều 14 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 đã quy định rõ “*Quy định TTHC trong thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của UBND cấp tỉnh, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, quyết định của UBND cấp huyện, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của UBND cấp xã, trừ trường hợp được giao trong luật*”. Điều này, có nghĩa rằng, trong trường hợp Luật không giao thì chỉ được quy định TTHC từ Nghị định trở lên mà không được quy định TTHC dưới hình thức Thông tư, Nghị quyết, Quyết định của các chủ thể nêu trên. Và khi sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL có quy

định TTHC, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải bảo đảm tính liên thông giữa TTHC có liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức không phải đi nhiều cơ quan để thực hiện TTHC.

Thứ sáu, việc hoàn thiện TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi phải đảm bảo phù hợp với Công ước Lahay số 33 ngày 29/5/1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Ngày 18/7/2011, Chủ tịch nước đã có Quyết định số 1103/2011/QĐ-CTN về việc phê chuẩn Công ước Lahay số 33 ngày 29/5/1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Do vậy, để thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một nước thành viên tham gia Công ước, đồng thời nâng cao hiệu quả của công tác giải quyết việc nuôi con nuôi quốc tế thì khi sửa đổi, bổ sung các quy định về nuôi con nuôi nói chung và TTHC trong giải quyết nuôi con nuôi nói riêng cần phải phù hợp với quy định của Công ước Lahay số 33 này.

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở quy định về TTHC theo pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện các quy định này trên thực tế, để hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi, Luận văn đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại các văn bản QPPL hiện hành, cụ thể như sau:

3.3.1. Đề xuất, kiến nghị chung cho tất cả các thủ tục hành chính

Nhằm tạo sự minh bạch, rõ ràng, tăng tính lựa chọn, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục, đề xuất đa dạng hóa cách thức thực hiện thủ tục và hình thức của thành phần hồ sơ tương ứng với cách thức thực hiện, cụ thể là người yêu cầu có quyền lựa chọn nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua mạng internet. Đối với các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ mà do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam lập hoặc xác nhận thì trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp có quyền lựa chọn nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực; trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính thì nộp bản sao có chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ qua mạng internet thì thành phần hồ sơ phải được chụp từ bản gốc, bảo đảm tính xác thực, yêu cầu kỹ thuật, đầy đủ và chính xác của thông tin; khi nhận kết quả phải xuất trình bản gốc để đối chiếu. Đối với các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ mà do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài lập hoặc xác nhận thì phải được hợp pháp hoá lãnh sự khi sử dụng ở Việt Nam, trừ trường hợp

được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Theo đó, đề xuất bổ sung một điều quy định về cách thức thực hiện và hình thức hồ sơ khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Luật Nuôi con nuôi hoặc Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

3.3.2. Đề xuất, kiến nghị đối với thủ tục hành chính cụ thể

3.3.2.1. Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Về điều kiện nhận con nuôi và các giấy tờ chứng minh điều kiện nhận nuôi con nuôi: Đề xuất quy định cụ thể về điều kiện của người nhận con nuôi về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi và các giấy tờ chứng minh điều kiện này, để tạo sự minh bạch, rõ ràng, thuận tiện trong quá trình thực hiện. Bởi vì Luật Nuôi con nuôi và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành chỉ quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi nhưng chưa có quy định cụ thể về điều kiện thế nào là đủ, cũng như chưa có quy định rõ các giấy tờ chứng minh các điều kiện đó, dẫn đến việc triển khai thực hiện gặp khó khăn, chưa thống nhất.

Về hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Đề xuất bỏ quy định về việc phải có Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi (trong trường hợp trẻ bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi). Bởi vì, theo quy định tại Điều 16 Luật Hộ tịch thì khi đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi đã có thành phần hồ sơ là Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi. Trong khi đó, hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi đã có Giấy khai sinh của trẻ em. Vì vậy, việc yêu cầu phải có Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi trong hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi là không cần thiết.

- Đề xuất bỏ quy định về việc phải có Giấy khám sức khỏe của trẻ em trong hồ sơ nuôi con nuôi. Thực tế qua 5 năm triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi, quy định bắt buộc phải có Giấy khám sức khỏe của trẻ em trong hồ sơ nuôi con nuôi trong nước đã làm ảnh hưởng đến việc được nhận làm con nuôi của trẻ em. Mặt khác, xuất phát từ tâm lý của cha mẹ nuôi Việt Nam, thường tiếp xúc và tìm hiểu về trẻ em trước khi nhận trẻ em đó làm con nuôi nên cha mẹ nuôi cũng đã biết trước tình trạng sức khỏe của trẻ em mình mong muốn nhận. Do đó, việc quy định về Giấy khám sức khỏe của trẻ trong hồ sơ nuôi con nuôi là không cần thiết, tăng chi phí cho người thực hiện thủ tục.

Về hồ sơ của người nhận con nuôi: Đối với trường hợp cha dượng/mẹ kế nhận con riêng của vợ/chồng làm con nuôi, đề xuất bỏ yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong thành phần hồ sơ của người nhận con nuôi, trong Đơn xin nhận con nuôi (mẫu TP/CN-2014/CN.02) bổ sung thêm nội dung cam đoan của người xin nhận con nuôi không thuộc các trường hợp bị cấm nhận con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Nhằm tạo điều kiện nhanh chóng và thuận lợi nhất để đứa trẻ được sống bên gia đình mới với cha/mẹ đẻ và cha dượng/mẹ kế. Cha đẻ/mẹ đẻ là người trực tiếp bảo vệ đứa trẻ dưới một mái ấm gia đình bên cạnh cơ chế bảo vệ khác theo quy định của pháp luật hiện hành như chế độ báo cáo trong 3 năm tại Luật Nuôi con nuôi, cơ chế bảo vệ tại Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Trẻ em, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình... Mặt khác, thực tế đứa trẻ vẫn về ở với cha/mẹ đẻ và cha dượng/mẹ kế cho dù có thực hiện việc đăng ký hay không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nếu TTHC quá rườm rà có thể dẫn đến việc không đăng ký, làm cho quyền, lợi ích của đứa trẻ không đảm bảo.

Về thời gian giải quyết: Đề xuất sửa đổi thời gian thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi tại khoản 1 Điều 22 Luật Nuôi con nuôi theo hướng trong 20 ngày thì có 15 ngày để người liên quan thay đổi ý kiến và 05 ngày để UBND cấp xã tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi. Bởi vì, theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Nuôi con nuôi thì tổng thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi là 30 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó có 10 ngày để kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến người liên quan (Điều 20) và 20 ngày để đăng ký việc nuôi con nuôi (Điều 22). Tuy nhiên, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định nếu người liên quan đã đồng ý cho trẻ làm con nuôi nhưng sau đó muốn thay đổi ý kiến thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến, những người liên quan phải thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã nơi đang giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi. Điều này có thể dẫn đến việc hiểu sai về thời hạn giải quyết thủ tục là 45 ngày. Vì vậy, với việc quy định rõ các mốc thời gian thực hiện thủ tục sẽ đảm bảo về thời gian giải quyết việc nuôi con nuôi là 30 ngày.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 17, 18, 22 Luật Nuôi con nuôi; sửa đổi biểu mẫu TP/CN-2014/CN.02 tại Thông tư số 24/2014/TT-BTP.

3.3.2.2. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước

Về điều kiện thực hiện thủ tục: Đề xuất sửa điều kiện yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi là cha nuôi hoặc mẹ nuôi còn sống khi yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Đồng thời, bổ sung quy định khi các văn bản gốc chứng minh việc

nuôi con nuôi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được thì được yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Đề xuất này, xuất phát từ thực tế là vì những lý do nào đó mà cha nuôi hoặc mẹ nuôi chết thì người còn lại hoàn toàn có quyền yêu cầu UBND cấp xã đăng ký lại việc nuôi con đã đăng ký trước kia và khi các văn bản gốc chứng minh việc nuôi con nuôi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được thì được yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước.

Về Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi: Đề xuất bỏ quy định về chữ ký của ít nhất hai người làm chứng tại Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Bởi vì Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi đã thể hiện cam kết và chịu trách nhiệm của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó. Việc đăng ký nuôi con nuôi thể hiện mối quan hệ giữa người yêu cầu đăng ký với cơ quan nhà nước, không liên quan đến người thứ ba. Do vậy, việc yêu cầu người làm chứng là không cần thiết. Hơn nữa, việc đăng ký nuôi con nuôi không bắt buộc phải công bố, người thứ ba không thể biết chắc về sự việc này. Mặt khác, vẫn còn tâm lý e ngại khi để người khác biết về mối quan hệ này. Do vậy, việc yêu cầu chữ ký của người làm chứng tại tờ khai là khó thực hiện.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; sửa đổi Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTP.

3.3.2.3. Thủ tục Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Về hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Đề xuất bỏ quy định về việc phải có Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi (trong trường hợp trẻ bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi). Bởi vì, theo quy định tại Điều 16 Luật Hộ tịch thì khi đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi đã có thành phần hồ sơ là Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi. Trong khi đó, hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi đã có Giấy khai sinh của trẻ em. Vì vậy, việc yêu cầu phải có Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi trong hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi là không cần thiết.

- Đề xuất bỏ quy định về việc khi nộp hồ sơ, người nhận con nuôi phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế để kiểm tra hồ sơ. Bởi vì, trong hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi của người nhận con nuôi đã có yêu cầu về thành phần hồ sơ gồm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế. Do đó, quy định khi nộp hồ sơ, người nhận con nuôi phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế là không phù hợp.

Về số lượng bộ hồ sơ: Đề xuất bổ sung quy định hồ sơ của người nhận con nuôi và hồ sơ của người được nhận làm con nuôi được lập thành 01 bộ theo đúng quy định Điều 30 Luật Nuôi con nuôi, Điều 5 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP và 01 bộ phô tô các giấy tờ nêu trên. Nhằm giảm chi phí cho cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ giải quyết thủ tục mà vẫn đảm bảo hồ sơ cho cơ quan giải quyết thủ tục.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi Điều 18 Luật Nuôi con nuôi; khoản 2 Điều 21 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

3.3.2.4. Thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng

Đề xuất bãi bỏ thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng được quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP. Bởi vì ghi chú việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng là hệ quả từ việc công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi. Như vậy, cơ quan hoàn tất thủ tục này là cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài. Điều này có thể hiểu ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng cũng là một loại việc ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Việc này sẽ được thực hiện theo thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Theo quy định của khoản 1 Điều 48 Luật Hộ tịch thì UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam có thẩm quyền ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

3.3.2.5. Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Về điều kiện thực hiện thủ tục: Đề xuất sửa điều kiện yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi là cha nuôi hoặc mẹ nuôi còn sống khi yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Đồng thời, bổ sung quy định khi các văn bản gốc chứng minh việc nuôi con nuôi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được thì được yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Đề xuất này, xuất phát từ thực tế là vì những lý do nào đó mà cha nuôi hoặc mẹ nuôi chết thì người còn lại hoàn toàn có quyền yêu cầu Sở Tư pháp đăng ký lại việc nuôi con đã đăng ký trước kia và khi các văn bản gốc chứng minh việc nuôi con nuôi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được thì được yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Về Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi: Đề xuất bỏ quy định về chữ ký của ít nhất hai người làm chứng tại Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Bởi vì

Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi đã thể hiện cam kết và chịu trách nhiệm của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó. Việc đăng ký nuôi con nuôi thể hiện mối quan hệ giữa người yêu cầu đăng ký với cơ quan nhà nước, không liên quan đến người thứ ba. Do vậy, việc yêu cầu người làm chứng là không cần thiết. Hơn nữa, việc đăng ký nuôi con nuôi không bắt buộc phải công bố, người thứ ba không thể biết chắc về sự việc này. Mặt khác, vẫn còn tâm lý e ngại khi để người khác biết về mối quan hệ này. Do vậy, việc yêu cầu chữ ký của người làm chứng tại tờ khai là khó thực hiện.

Về thời gian thực hiện: Đề xuất quy định rõ thời gian Sở Tư pháp xem xét, trình UBND tỉnh, thời gian UBND tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại. Bởi vì khoản 4 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP chưa quy định nên dẫn đến sự tùy tiện trong quá trình thực hiện thủ tục.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1, 3, 4 Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; sửa đổi Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi ban hành kèm theo Thông tư số 24/2014/TT-BTP.

3.3.2.6. Thủ tục Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Về thẩm quyền thực hiện thủ tục: Đề xuất sửa đổi thẩm quyền thực hiện từ cấp tỉnh (Sở Tư pháp) cho UBND cấp huyện, để phù hợp với điểm c, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 48 Luật Hộ tịch.

Về thời gian thực hiện: Đề xuất bổ sung quy định về thời hạn thực hiện thủ tục. Vì Điều 30 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP chưa quy định về thời gian để thực hiện thủ tục dẫn đến sự tùy tiện trong quá trình thực hiện.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 Luật Nuôi con nuôi, điểm a khoản 3 Điều 49 Luật Nuôi con nuôi; khoản 3,4 Điều 30 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

3.3.2.7. Thủ tục Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi

Về điều kiện của người nhận con nuôi: Đề xuất quy định cụ thể về điều kiện của người nhận con nuôi về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi và các giấy tờ chứng minh điều kiện này, để tạo sự minh bạch, rõ ràng, thuận tiện trong quá trình thực hiện. Bởi vì Luật Nuôi con nuôi và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành chỉ quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi nhưng chưa

có quy định cụ thể về điều kiện thế nào là đủ, cũng như chưa có quy định rõ các giấy tờ chứng minh các điều kiện đó, dẫn đến việc triển khai thực hiện gặp khó khăn, chưa thống nhất.

Về hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Đề xuất bỏ quy định về việc phải có Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi (trong trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được nhận làm con nuôi). Bởi vì, theo quy định tại Điều 16 Luật Hộ tịch thì khi đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi đã có thành phần hồ sơ là Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi. Trong khi đó, hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi đã có Giấy khai sinh của trẻ em. Vì vậy, việc yêu cầu phải có Biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi trong hồ sơ của trẻ em được nhận làm con nuôi là không cần thiết.

Về thời gian thực hiện thủ tục: Đề xuất quy định rõ thời gian Sở Tư pháp thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi, tổ chức lễ giao nhận con nuôi sau khi có quyết định của UBND tỉnh là trong thời hạn 3 ngày làm việc. Bởi vì khoản 4 Điều 41 Luật Nuôi con nuôi quy định Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi ngay sau khi có quyết định của UBND tỉnh. Vậy “ngay” là trong thời gian bao lâu?

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 18, 41 Luật nuôi con nuôi.

3.3.2.8. Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi

Về điều kiện của người nhận con nuôi: Đề xuất quy định cụ thể về điều kiện của người nhận con nuôi về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi và các giấy tờ chứng minh điều kiện này, để tạo sự minh bạch, rõ ràng, thuận tiện trong quá trình thực hiện. Bởi vì Luật Nuôi con nuôi và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành chỉ quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi nhưng chưa có quy định cụ thể về điều kiện thế nào là đủ, cũng như chưa có quy định rõ các giấy tờ chứng minh các điều kiện đó, dẫn đến việc triển khai thực hiện gặp khó khăn, chưa thống nhất.

Về thành phần hồ sơ: Đề xuất bỏ các giấy tờ khác theo quy định của nước láng giềng. Vì đây là thủ tục cấp giấy xác nhận cho công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi thì hồ sơ chỉ cần các giấy tờ theo quy định của Điều 17 Luật

Nuôi con nuôi, còn các giấy tờ theo quy định của nước láng giềng chỉ cần nộp khi thực hiện thủ tục ở nước láng giềng.

Về số lượng hồ sơ: Đề xuất sửa quy định số bộ hồ sơ được lập theo quy định của nước láng giềng thành số lượng bộ hồ sơ là 01 bộ. Bởi vì quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ là đủ để thực hiện thủ tục xác nhận đủ điều kiện, quy định này cũng thống nhất với quy định về đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước. Còn việc thực hiện quy định về lập số bộ hồ sơ theo quy định của nước láng giềng chỉ cần thiết khi thực hiện thủ tục ở nước láng giềng.

Về thời gian thực hiện: Đề xuất bổ sung quy định về thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và xác nhận người đó đủ điều kiện nuôi con nuôi là 15 ngày. Bởi vì khoản 3 Điều 22 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP chưa quy định thời gian thực hiện dẫn đến sự không thống nhất, tùy tiện trong quá trình thực hiện.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 22 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP.

3.3.2.9. Thủ tục Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi

Về cơ quan thực hiện thủ tục: Đề xuất chuyển thẩm quyền thực hiện thủ tục từ Sở Tư pháp xuống cho UBND cấp xã (UBND cấp xã nơi thường trú và UBND cấp xã nơi tạm trú). Các gia đình có nhu cầu nhận nuôi con nuôi sẽ đăng ký nhu cầu với UBND cấp xã. Sau đó, UBND cấp xã sẽ gửi danh sách này cho Sở Tư pháp tổng hợp chung trên phạm vi toàn tỉnh. Đề xuất này xuất phát từ thực tiễn, sau 5 năm ban hành Luật, chưa thực hiện thủ tục này. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân như công tác tuyên truyền chưa hiệu quả, tâm lý không muốn để người khác biết việc nhận nuôi con nuôi còn nặng nề, quy định về thủ tục chưa đầy đủ, rõ ràng, việc thực hiện thủ tục còn chưa thuận tiện (lên Sở Tư pháp khá xa). Do đó, việc chuyển thẩm quyền thực hiện xuống cho UBND cấp xã sẽ thuận tiện hơn cho việc thực hiện và Sở Tư pháp vẫn nắm được thông tin trên toàn tỉnh. Mặt khác, với danh sách đăng ký nhu cầu này thì khi có trẻ bị bỏ rơi, cán bộ tư pháp có thể tìm được ngay nơi nuôi dưỡng tạm thời cho trẻ, nhằm khắc phục tình trạng đùn đẩy trong việc tìm nơi tạm thời nuôi dưỡng trước khi thực hiện thủ tục tiếp nhận vào cơ sở nuôi dưỡng theo quy định.

Về đối tượng thực hiện thủ tục: Đề xuất mở rộng đối tượng thực hiện thủ tục theo hướng không chỉ công dân Việt Nam mà còn có thể là người nước ngoài thường trú tại Việt Nam. Bởi vì người nước ngoài thường trú tại Việt Nam cũng có

nhu cầu nhận con nuôi nhưng họ chưa tìm được trẻ em nhận làm con nuôi thì họ có quyền đăng ký nhu cầu tại nơi họ thường trú.

Về điều kiện thực hiện thủ tục: Người đăng ký chỉ cần có nguyện vọng chưa cần chứng minh đủ điều kiện nhận nuôi con nuôi khi thực hiện thủ tục đăng ký. Bởi vì thủ tục này chưa cần thiết phải xem xét đến đủ điều kiện nhận nuôi con nuôi. Việc xem xét đủ điều kiện sẽ thực hiện tại thủ tục đăng ký nuôi con nuôi chính thức.

Về thành phần hồ sơ: Mẫu tờ khai đăng ký gồm nội dung cơ bản như sau họ và tên người đăng ký, ngày tháng năm sinh, giới tính, dân tộc, nơi đăng ký hộ khẩu, nơi thường trú, điện thoại liên hệ; nhu cầu nhận con nuôi: tuổi, giới tính, dân tộc...

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật Nuôi con nuôi.

3.3.2.10. Thủ tục Cấp giấy xác nhận người Việt Nam đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi

Về điều kiện nhận con nuôi, thành phần hồ sơ: Đề xuất quy định cụ thể về điều kiện của người nhận con nuôi về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi và các giấy tờ chứng minh điều kiện này, để tạo sự minh bạch, rõ ràng, thuận tiện trong quá trình thực hiện. Bởi vì Luật Nuôi con nuôi và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành chỉ quy định người nhận con nuôi phải có điều kiện về kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi nhưng chưa có quy định cụ thể về điều kiện thế nào là đủ, cũng như chưa có quy định rõ các giấy tờ chứng minh các điều kiện đó, dẫn đến việc triển khai thực hiện gặp khó khăn, chưa thống nhất.

Về số lượng hồ sơ: Đề xuất bổ sung quy định số lượng hồ sơ phải nộp là 01 bộ vì khoản 1 Điều 40 Luật Nuôi con nuôi không quy định.

Về thời gian thực hiện: Đề xuất giảm thời gian thực hiện từ 30 ngày xuống 20 ngày, trường hợp cần xác minh thì thời gian giảm từ 60 ngày xuống 40 ngày. Bởi vì quy định thời gian thực hiện như hiện hành là quá dài, gây khó khăn cho người yêu cầu. Đề xuất rút ngắn thời gian thực hiện vẫn đảm bảo cho cơ quan nhà nước thực hiện thủ tục, vừa đảm bảo quyền, lợi ích cho người yêu cầu.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 40 Luật Nuôi con nuôi.

3.3.2.11. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em

Về thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ: Đề xuất trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng cần tìm gia đình thay thế, cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách gửi Sở Tư pháp,

Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo 03 lần liên tiếp trên báo viết, thông báo trên Trang điện tử của Sở Tư pháp, của UBND tỉnh hoặc phương tiện thông tin đại chúng và đồng thời gửi Bộ Tư pháp thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Kể từ ngày thông báo nếu có người Việt Nam và người nước ngoài cùng muốn nhận trẻ làm con nuôi thì ưu tiên giải quyết cho người Việt Nam. Đề xuất nhằm đảm bảo nhanh chóng tìm gia đình thay thế cho trẻ do rút ngắn gian thông báo.

Về chỉ định cơ sở nuôi dưỡng: Đề xuất bỏ quy định về chỉ định cơ sở nuôi dưỡng được quyền giới thiệu trẻ em được nhận làm con nuôi nước ngoài. Bởi vì quy định chỉ định cơ sở nuôi dưỡng được quyền giới thiệu trẻ em được nhận làm con nuôi nước ngoài dẫn đến tình trạng phân biệt, đối xử giữa các cơ sở nuôi dưỡng, trẻ em ở các cơ sở nuôi dưỡng không được chỉ định sẽ khó có thể tiếp cận được gia đình thay thế, dẫn đến quyền và lợi ích của trẻ, nhất là các trẻ bị bệnh tật, khuyết tật bị thiệt thòi.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 15, khoản 3 Điều 31, khoản 2 Điều 32, 34, 36, 37 Luật Nuôi con nuôi.

3.3.2.12. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Về thành phần hồ sơ:

- Đề xuất bỏ yêu cầu nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài (đã được dịch ra tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định). Bởi vì để được cấp giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập, cho phép hoạt động thì tổ chức con nuôi nước ngoài phải đáp ứng điều kiện về văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn của người đứng đầu tổ chức con nuôi. Do đó, việc tiếp tục yêu cầu nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài đối với thủ tục này là hoàn toàn không cần thiết khi trong thành phần hồ sơ đã có bản sao giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập cấp, cho phép tổ chức được hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. Hơn nữa, người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài chịu sự điều chỉnh của pháp luật của nước nơi đặt trụ sở của tổ chức.

- Đề xuất bỏ yêu cầu nộp Báo cáo đánh giá về sự hiểu biết của các nhân viên xã hội và nhân viên xã hội và nhân viên pháp lý làm việc tại tổ chức con nuôi nước ngoài về các lĩnh vực pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế

về nuôi con nuôi. Bởi vì là yêu cầu hồ sơ ban đầu khá hình thức. Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp phép cho tổ chức con nuôi nước ngoài, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các bộ, ngành có liên quan để kiểm tra, đánh giá về điều kiện, năng lực chuyên môn của tổ chức và đội ngũ nhân viên của tổ chức. Trên cơ sở kiểm tra này, Bộ Tư pháp sẽ đánh giá thực chất và có kết luận (thông qua phỏng vấn trực tiếp) về sự hiểu biết của đội ngũ nhân viên của tổ chức con nuôi về các lĩnh vực pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi (thể hiện qua Biên bản của Đoàn kiểm tra liên ngành). Mặt khác khi quyết định triển khai hoạt động nuôi con nuôi tại Việt Nam thì tổ chức con nuôi đã phải tìm hiểu về tình hình pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi. Ngoài ra, tổ chức con nuôi nước ngoài còn được sự hỗ trợ, tư vấn của người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, người đứng đầu phải có sự hiểu biết các lĩnh vực pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi để triển khai hoạt động của tổ chức tại Việt Nam.

- Đề xuất quy định rõ lý lịch cá nhân của người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam là lý lịch tự thuật và có cam kết tự chịu trách nhiệm của người khai về nội dung tự thuật, không yêu cầu có xác nhận của chính quyền địa phương. Bởi vì qua theo dõi, phản ánh thì việc xác nhận Sơ yếu lý lịch của một số chính quyền địa phương mang tính hình thức, chỉ xác nhận cá nhân đó hộ khẩu thường trú tại địa phương mà không xác nhận Sơ yếu lý lịch đó là đúng sự thật. Việc xin xác nhận Sơ yếu lý lịch cũng gây tốn kém chi phí cho cá nhân khi thực hiện thủ tục. Quy định này góp phần tăng tính tự chịu trách nhiệm của cá nhân, giảm thủ tục xác nhận của chính quyền địa phương, tạo thuận lợi, thống nhất cho quá trình thực hiện.

Về phối hợp trong giải quyết thủ tục: Đề xuất bỏ quy định “nếu hết thời hạn mà Bộ Công an chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản thì Cục con nuôi có thể hoàn thành hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định cấp giấy phép hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam”. Bởi vì đối với trường hợp cấp giấy phép lần đầu thì việc lấy ý kiến của Bộ Công an là cần thiết, để đánh giá toàn diện về tổ chức con nuôi nước ngoài khi cấp phép lần đầu.

Với đề xuất trên, kiến nghị bỏ quy định tại điểm đ, e, khoản 1 Điều 31, sửa đổi khoản 2 Điều 31 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; bỏ khoản 2 Điều 4, điểm a, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP.

3.3.2.13. *Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*

Đề xuất sửa quy định về trường hợp nào cũng phải lấy ý kiến của Bộ Công an bằng quy định “*Trong trường hợp cần ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành, Cục Con nuôi gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Công an*” và bỏ quy định “*nếu hết thời hạn mà Bộ Công an chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản thì Cục con nuôi có thể hoàn thành hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định gia hạn giấy phép hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*”. Bởi vì trong quá trình thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế nếu thấy tổ chức con nuôi hoạt động đúng quy định có báo cáo đầy đủ, rõ ràng thì không phải lấy ý kiến của Bộ Công an. Trường hợp cần ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành thì gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Công an. Văn bản trả lời của Bộ Công an là một trong các căn cứ để thực hiện việc gia hạn giấy phép.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi khoản 4 Điều 34 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; bỏ điểm a, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP.

3.3.2.14. *Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*

Đề xuất bỏ quy định “*nếu hết thời hạn mà Bộ Công an chưa có ý kiến trả lời bằng văn bản thì Cục con nuôi có thể hoàn thành hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định sửa đổi giấy phép hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam*”. Bởi vì, cần thiết phải có ý kiến của Bộ Công an liên quan đến nhân thân của người đứng đầu của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam để đảm bảo người này đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Với đề xuất trên, kiến nghị bỏ điểm a, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 21/2011/TT-BTP.

3.3.2.15. *Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp con riêng, cháu ruột, người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên*

Về trình tự thực hiện: Thiết kế thành quy định tách bạch với quy định về thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt. Bởi vì, quy định của Luật Nuôi con nuôi chưa rõ ràng, rành mạch về hai thủ tục này nên khó khăn cho việc tìm hiểu thủ tục.

Với đề xuất trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18, khoản 3 Điều 31, khoản 2 Điều 32, 34, 37 Luật Nuôi con nuôi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở thực tiễn giải quyết các TTHC đã cho thấy một số quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi chưa phù hợp, đầy đủ, thống nhất như cách thức thực hiện TTHC chưa đa dạng; thành phần hồ sơ của một số TTHC còn rườm rà, chưa cụ thể, rõ ràng; trình tự thực hiện một số thủ tục còn chưa phù hợp; thời gian thực hiện một số thủ tục còn dài hoặc không quy định rõ ràng; một số quy định thủ tục chưa thống nhất với văn bản QPPL cao hơn. Trên cơ sở đó, cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện các quy định về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

Luận văn đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo hướng kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định đối với 15/15 TTHC trong lĩnh vực này. Các đề xuất, kiến nghị nhằm cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện, đồng thời bổ sung hoàn thiện các quy định chưa rõ ràng, đầy đủ nhằm tạo thuận lợi, thống nhất, minh bạch, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. Theo đó, Luận văn đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung 01 luật (Luật Nuôi con nuôi năm 2010), 01 nghị định (Nghị định số 19/2011/NĐ-CP), và 03 Thông tư (Thông tư số 12/2011/TT-BTP, Thông tư số 24/2014/TT-BTP, Thông tư số 21/2011/TT-BTP). Nếu các quy định về TTHC được sửa đổi, bổ sung theo hướng nêu trên sẽ đảm bảo tiêu chí về sự cần thiết, hợp pháp, hợp lý và hiệu quả, nhằm tạo điều kiện để tìm gia đình thay thế cho trẻ một cách nhanh nhất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi và thực hiện tốt chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta.

KẾT LUẬN

Nuôi con nuôi là hiện tượng xã hội tồn tại từ lâu ở Việt Nam và các nước trên thế giới và nay đã được pháp luật công nhận, điều chỉnh. Ở nước ta, nuôi con nuôi là vấn đề có tính nhân đạo sâu sắc, thể hiện tình yêu thương, trách nhiệm và mối quan hệ tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau giữa con nười với con người; là biện pháp tích cực để trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được nuôi dưỡng trong môi trường tình cảm gia đình, đồng thời đáp ứng nhu cầu làm cha mẹ của người nhận con nuôi.

Để thực hiện việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nuôi con nuôi và bảo đảm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, trong đó cơ bản và chủ yếu là thực hiện quyền được nuôi con nuôi và quyền được nhận làm con nuôi được pháp luật công nhận và bảo hộ thì cần thiết phải có quy định về TTHC trong lĩnh vực này. TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi được quy định cụ thể tại Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở các quy định hiện hành, việc giải quyết các TTHC có liên quan đến nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và các tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đã đạt được kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc thực hiện vẫn còn tồn tại, hạn chế. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế trong đó có nguyên nhân về mặt thể chế liên quan đến TTHC, cụ thể là các quy định về TTHC chưa phù hợp, rõ ràng, thống nhất như cách thức thực hiện TTHC chưa đa dạng; thành phần hồ sơ của một số TTHC còn rườm rà, chưa cụ thể, rõ ràng; trình tự thực hiện một số thủ tục còn chưa phù hợp; thời gian thực hiện một số thủ tục còn dài hoặc không quy định rõ ràng; một số quy định thủ tục chưa thống nhất với văn bản QPPL cao hơn. Do đó, việc nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi là hoàn toàn cần thiết.

Luận văn đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo hướng kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định đối với 15/15 TTHC trong lĩnh vực này. Các đề xuất, kiến nghị nhằm cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện, đồng thời bổ sung hoàn thiện các quy định chưa rõ ràng, đầy đủ nhằm tạo thuận lợi, thống nhất, minh bạch, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC. Theo đó, Luận văn đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung 01 luật (Luật Nuôi con nuôi), 01 nghị định (Nghị định số 19/2011/NĐ-CP), và 03 Thông tư (Thông tư số 12/2011/TT-BTP, Thông tư số 24/2014/TT-BTP, Thông tư số 21/2011/TT-BTP), nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục, đảm bảo được mục tiêu nhanh chóng tìm gia đình thay thế cho trẻ em, cũng như nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngọc Anh (2011), Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số chuyên đề pháp luật về nuôi con nuôi, tr.132-138.
2. Nguyễn Văn Bình (2011), Luật Nuôi con nuôi sự quan tâm lớn của nhà nước và xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh, Tạp chí dân chủ và pháp luật, Số Chuyên đề pháp luật về nuôi con nuôi, tr.3-18.
3. Bộ Tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (2011), Số chuyên đề Pháp luật về nuôi con nuôi, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2011), Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
5. Bộ Tư pháp (2011), Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
6. Bộ Tư pháp, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (2013), Sổ tay nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2014), Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.
8. Bộ Tư pháp (2014), Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
9. Bộ Tư pháp (2014), Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế.
10. Bộ Tư pháp (2014), Tài liệu Hội nghị sơ kết 3 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và 02 năm thi hành Công ước Lahay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (2016), Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BTP-BNG-BCA-BLĐTBXH ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Công an,

Ngoại giao và Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài và bảo vệ trẻ em trong trường hợp cần thiết.

12. Bộ Tư pháp (2016), Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
13. Bộ Tư pháp, Cục Con nuôi (2016), Tài liệu Hội nghị tổng kết 05 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và 04 năm thi hành Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi, Hà Nội.
14. Bộ Tư pháp (2017), Quyết định số 643/QĐ-BTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
15. Bộ Tư pháp (2017), Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp công tác năm 2017.
16. Bộ Tư pháp (2018), Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tư pháp về tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp công tác năm 2018.
17. Chính phủ (2010), Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.
18. Chính phủ (2011), Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.
19. Chính phủ (2013), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.
20. Chính phủ (2016), Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.
21. Chính phủ (2017), Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

22. Công ước Lahay 1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế.
23. Cục Con nuôi (2017), Báo cáo số 705 /CCN- VP ngày 26/11/2017 của Cục Con nuôi về kết quả công tác tư pháp năm 2017 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018
24. Tô Đức (2016), Một số kiến nghị điều chỉnh pháp luật về trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí nhân lực khoa học xã hội, Số 03 (34)/2015, tr.16-26.
25. Đào Hà (2011), Mục đích nuôi con nuôi, nguyên tắc giải quyết nuôi con nuôi, Tạp chí dân chủ và pháp luật, Số chuyên đề pháp luật về nuôi con nuôi, tr 27-36.
26. Nguyễn Phương Lan (2007), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam”, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
27. Quốc hội (2010), Luật Nuôi con nuôi.
28. Quốc hội (2013), Hiến pháp.
29. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự.
30. Quốc hội (2015), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
31. Trường Đại học Luật Hà Nội, (2010), Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Văn phòng Chính phủ (2017), Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.
33. www.luatduonggia.vn “Khái quát chung về thủ tục hành chính” (02/06/2014).